

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Hiền**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN  
KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Hiền  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG – 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đỗ Thị Hiền

Mã SV: 1013041092

Lớp: QTL402K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát..

## 2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát trong 3 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

# CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

## Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

## **Nội dung hướng dẫn:**

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

## Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác: .....

Nội dung hướng dẫn: .....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**ThS. Nguyễn Đức Kiên**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

# PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

## 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

## 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất – kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toàn công tác kế toán của đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh họa trong khóa luận đã có tính lô ích trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy.

## 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn:

Điểm bằng số: .....

Điểm bằng chữ: .....

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2012*  
**Cán bộ hướng dẫn**

**ThS. Nguyễn Đức Kiên**

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*  
**Cán bộ hướng dẫn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP**

Họ và tên sinh viên: Đỗ Thị Hiền ..... Ngày sinh: 25/02/1988

Lớp: QTL402K..... Ngành: Kế toán kiểm toán ..... Khóa: 04

Thực tập tại: Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

Từ ngày: 31/01/2012 đến ngày : 09/03/2012

**1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:**

Sinh viên có tinh thần, thái độ, ý thức kỷ luật tốt, hăng hái học hỏi tiếp thu công việc tốt.....

.....  
.....  
.....

**2. Về những công việc được giao:**

Sinh viên đã hoàn thành khá tốt công việc được giao.....

.....  
.....  
.....

**3. Kết quả đạt được:**

Sinh viên đã vận dụng tốt kiến thức học trên trường lớp để tìm hiểu và nắm bắt được công việc làm cơ bản của một kế toán trong công ty.....

.....  
.....  
.....  
.....

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

**CTHĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC**

**Phạm Ngọc Tuấn**

*Thứ 6, ngày 09 tháng 03 năm 2012*  
Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

**Nguyễn Thị Huyền Trang**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1. Khái niệm hàng tồn kho và nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho.....	3
1.1.1. Khái niệm, phạm vi hàng tồn kho:.....	3
1.1.1.1. Khái niệm hàng tồn kho:.....	3
1.1.1.2. Phạm vi hàng tồn kho:.....	3
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho: .....	3
1.2. Xác định giá trị hàng tồn kho .....	4
1.2.1. Nguyên tắc xác định giá trị hàng tồn kho .....	4
1.2.2. Xác định giá trị hàng nhập kho .....	6
1.2.3. Xác định giá trị hàng xuất kho .....	7
1.2.3.1. Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh : Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá nhập thực tế của lô hàng đó.....	7
1.2.3.2. Phương pháp giá đơn vị bình quân : .....	8
1.2.3.3. Phương pháp nhập trước xuất trước :.....	9
1.2.3.4. Phương pháp nhập sau xuất trước :.....	9
1.2.4. Phân bổ chi phí mua hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại .....	10
1.3. Kế toán chi tiết hàng tồn kho .....	11
1.3.1. Phương pháp thẻ song song .....	11
1.3.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	12
1.3.3. Phương pháp sổ số dư .....	13
1.4. Kế toán tổng hợp HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	14
1.4.1. Đặc điểm phương pháp kê khai thường xuyên .....	14
1.4.2. Chứng từ sử dụng .....	15
1.4.3. Tài khoản sử dụng: TK 151, 152, 153, 155, 156, 157 .....	15
1.4.4. Kế toán các nghiệp vụ làm tăng, giảm hàng tồn kho .....	18
1.4.4.1. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ làm tăng hàng tồn kho.....	18
1.4.4.2. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ làm giảm hàng tồn kho.....	19



1.5. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	22
1.5.1. Đặc điểm phương pháp kiểm kê định kỳ.....	22
1.5.2. Chứng từ sử dụng: Kế toán sử dụng các chứng từ như kê khai thường xuyên .....	22
1.5.3. Tài khoản sử dụng.....	22
1.5.4. Kế toán các nghiệp vụ làm tăng, giảm hàng tồn kho.....	23
1.5.4.1. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ làm tăng hàng tồn kho.....	23
1.5.4.2. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ làm giảm hàng tồn kho.....	24
1.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	24
1.6.1. Quy định trong quản lý và hạch toán dự phòng giảm giá HTK.....	24
1.6.2. Phương pháp kế toán.....	26
1.7. Đặc điểm kế toán HTK theo các hình thức kế toán (Sơ đồ ghi sổ).....	28
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT.....</b>	<b>32</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát. ....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát. ....	32
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát. ....	34
2.1.2.1 Đặc điểm về nguồn lực.....	34
2.1.3. Đặc điểm hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.....	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát. ....	36
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát. ....	38
2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	38
2.1.5.2. Chính sách kế toán gồm:.....	40

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.....	42
2.2.1. Kế toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.....	42
2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát. ....	62
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT</b> .....	66
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát .....	66
3.1.1. Ưu điểm .....	66
3.1.1.1. Tổ chức công tác kế toán nói chung.....	66
3.1.1.2. Tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng.....	66
3.1.2. Hạn chế .....	67
3.1.2.1. Tổ chức công tác kế toán nói chung.....	67
3.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng .....	67
3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại trên.....	68
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát. ....	68
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.....	69
3.3.1. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty .....	69
3.3.2. Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty .....	70
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát .....	70
3.4.1. Kiến nghị 1: Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho .....	70
3.4.2. Kiến nghị 2: Ứng dụng Công nghệ thông tin vào công tác kế toán.....	73
3.4.3. Kiến nghị 3: Hoàn thiện về tính giá hàng hóa xuất kho. ....	73
3.4.4. Ý kiến 4: Sử dụng sổ danh điểm hàng hóa .....	74

3.4.5. Kiến nghị 5: Về vấn đề hạch toán hàng tồn kho .....	75
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.....	76
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	77
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	77
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>78</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>79</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song .....	12
Sơ đồ 1.2: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển .....	13
Sơ đồ 1.3: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ số dư.....	14
Sơ đồ 1.4. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) .....	20
Sơ đồ 1.5. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên (nộp VAT theo phương pháp trực tiếp).....	21
Sơ đồ 1.6. : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung .....	28
Sơ đồ 1.7.: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	29
Sơ đồ 1.8.: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ cái.....	30
Sơ đồ 1.9.: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Chứng từ 301	
Sơ đồ 1.10.: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính .....	301
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.....	36
Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.....	39
Sơ đồ 2.3: Hình thức nhật ký chung tại công ty.....	41
Sơ đồ 2.4: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song .....	42

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT mua hàng của ngày 10 tháng 11.....	43
Biểu 2.2: Phiếu nhập kho ngày 10/11 .....	44
Biểu 2.3: Thẻ kho của Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108.....	47
Biểu 2.4: Sổ chi tiết của hàng hóa Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108.....	48
Biểu 2.5: Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa.....	49
Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT ngày 17/11.....	50
Biểu 2.7: Phiếu nhập kho ngày 17 tháng 11 .....	51
Biểu 2.8: Thẻ kho của Camera KPC143ZBP.....	53
Biểu 2.9: Sổ chi tiết hàng hóa Camera KPC143ZBP.....	54
Biểu 2.10: Thẻ kho của Camera KPC138ZE1P.....	55
Biểu 2.11: Sổ chi tiết hàng hóa Camera KPC138ZE1P.....	56
Biểu 2.12: Hóa đơn bán hàng ngày 12 tháng 11 .....	57
Biểu 2.13: Phiếu xuất kho ngày 12/11 .....	58
Biểu 2.14: HĐ GTGT bán hàng ngày 18 tháng 11 .....	59
Biểu 2.15: Phiếu xuất kho ngày 18 tháng 11 .....	60
Biểu 2.16: Bảng kê xuất .....	62
Biểu 2.17: Sổ nhật ký chung (trích tháng 11) .....	63
Biểu 2.18: Sổ cái hàng hóa.....	64
Biểu 2.19: Bảng cân đối tài khoản .....	65

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài khóa luận

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay có nhiều thành phần kinh tế khác nhau, các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau trở nên ngày càng gay gắt mạnh mẽ để phát huy tiềm năng và thế mạnh trong mọi lĩnh vực thì các tổ chức kinh tế phải xây dựng một nền tảng vững chắc có thể mạnh với công nghiệp hiện đại.

Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới năm 2007. Trong tiến trình hội nhập, mở cửa nền kinh tế,... sản phẩm công nghệ hiện đại ngày càng đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước. Trên cơ sở nắm bắt được nhu cầu thị trường về hàng công nghệ cao, công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát được thành lập. Nhiệm vụ chủ yếu của công ty là cung cấp các loại sản phẩm công nghệ cao cho thị trường thành phố Hải Phòng cũng như thị trường Miền Bắc.

Hàng tồn kho của doanh nghiệp là tài sản lưu động của doanh nghiệp dưới hình thức vật chất. Hàng tồn kho của doanh nghiệp có thể mua từ bên ngoài, có thể do doanh nghiệp sản xuất ra để dùng cho mục đích kinh doanh hoặc để thực hiện việc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp hoặc để bán. Về mặt giá trị hàng tồn kho phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động hàng tồn kho của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Hàng tồn kho có thể gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hóa. Trong doanh nghiệp thương mại, hàng tồn kho chủ yếu là hàng hóa, nó biểu hiện vốn hữu hình còn nằm trong kho. Đây là lực lượng dự trữ của Hàng hoá tồn kho.

Từ những nhận thức trên của hàng tồn kho, trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu hàng tồn kho tại công ty và đã chọn đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cho mình

là: “ Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát ”.

## **2. Mục đích nghiên cứu của đề tài khóa luận**

- Hệ thống hóa những kiến thức chung nhất về công tác kế toán hàng tồn kho.

- Nắm bắt, mô tả thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

- Trên cơ sở đó đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

## **3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài khóa luận**

\* **Đối tượng nghiên cứu của đề tài:**

- Nghiên cứu lý luận chung về hàng tồn kho

- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

\* **Phạm vi nghiên cứu:** tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

\* **Phương pháp nghiên cứu:**

- Các phương pháp kế toán

- Phương pháp thống kê và so sánh

- Phương pháp chuyên gia

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu

## **5. Kết cấu khóa luận**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu khóa luận của em gồm 3 chương với nội dung:

**Chương 1:** Lý luận chung về hàng tồn kho trong các doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán hàng hóa tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

**CHƯƠNG 1:****LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG  
DOANH NGHIỆP****1.1. Khái niệm hàng tồn kho và nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho****1.1.1. Khái niệm, phạm vi hàng tồn kho:****1.1.1.1. Khái niệm hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho là toàn bộ giá trị hàng hóa thành phẩm nguyên vật liệu và các công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng tồn kho không bao gồm những hàng hóa nhận bán hộ, giữ hộ, nhận bán đại lý, ký gửi, ký cược, ký quỹ.

Trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ hàng tồn kho thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tài sản lưu động của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán hàng tồn kho là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp.

**1.1.1.2. Phạm vi hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho bao gồm những hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

- \* Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kỳ kinh doanh bình thường.
- \* Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang.
- \* Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

**1.1.2. Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho:**

- Theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính số hiện có và tình hình biến động của hàng tồn kho cả về mặt giá trị và hiện vật, tính đúng tính trị giá hàng tồn kho để làm cơ sở xác định chính xác trị giá tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



- Kiểm tra tình hình chấp hành các thủ tục nhập xuất hàng hóa, thực hiện kiểm kê đánh giá lại hàng hóa, lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định của cơ chế tài chính.
- Cung cấp kịp thời những thông tin về tình hình hàng hóa tồn kho nhằm phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo và quản lý kinh doanh ở doanh nghiệp.

## **1.2. Xác định giá trị hàng tồn kho**

### **1.2.1. Nguyên tắc xác định giá trị hàng tồn kho**

\* Hàng tồn kho được tính theo nguyên tắc giá gốc, trường hợp giá trị thuần được thực hiện thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí có liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho gồm:

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

\* Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp tính giá hàng tồn kho doanh nghiệp đã chọn phải được thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm. Vì cách lựa chọn phương pháp định giá hàng tồn kho có thể ảnh hưởng cụ thể đến các báo cáo tài chính. Việc áp dụng các phương pháp kế toán thống nhất từ kỳ này sang kỳ khác sẽ cho phép báo cáo tài chính của doanh nghiệp mới có ý nghĩa mang tính so sánh.

\*Nguyên tắc thận trọng: Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn.

Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:

- Phải lập dự phòng nhưng không được quá lớn.
- Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập.
- Chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp phải cạnh tranh để tồn tại và đứng vững trước những rủi ro trong kinh doanh. Do vậy để tăng năng lực của doanh nghiệp trong việc đối phó với rủi ro, nguyên tắc thận trọng cần được áp dụng. Theo nguyên tắc này thì giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí để bán hàng tăng lên. Việc ghi giảm giá gốc hàng tồn kho cho bằng với giá trị thuần có thể được thực hiện là phù hợp với nguyên tắc tài sản không được phản ánh lớn hơn giá trị thực hiện ước tính từ việc bán hay sử dụng chúng.

Nguyên tắc này đòi hỏi trên bảng kế toán, giá trị hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị ròng :

$$\text{Giá trị tài sản ròng} = \text{Giá trị tài sản} - \text{Khoản dự phòng}$$

\* Nguyên tắc phù hợp: Khi bán hàng tồn kho, giá gốc của hàng tồn kho đã bán được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phù hợp với doanh thu liên quan đến chúng được ghi nhận. Ghi nhận giá trị hàng tồn kho đã bán và chi phí trong kỳ phải bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu. Giá vốn của sản phẩm sản xuất ra hàng hóa mua vào được ghi nhận là chi phí thời kỳ vào kỳ mà nó được bán. Khi nguyên tắc phù hợp bị vi phạm sẽ làm cho các thông tin trên báo cáo tài chính bị sai lệch, có thể làm thay đổi xu hướng phát triển thực lợi nhuận của doanh nghiệp. Trường hợp hàng tồn kho được sử dụng để sản xuất ra tài sản cố định hoặc sử dụng như nhà xưởng, máy móc, thiết bị tự sản xuất thì giá gốc hàng tồn kho này được hạch toán vào tài sản cố định.

**1.2.2. Xác định giá trị hàng nhập kho**

Giá thực tế nhập kho của hàng tồn kho được xác định theo nguyên tắc giá thực tế (nguyên tắc giá phí). Tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế nhập kho được xác định như sau:

\* Đối với vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ mua ngoài:

Giá thực tế = Giá mua ghi trên hóa đơn + Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua

Trong đó:

Giá trị ghi trên hóa đơn:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế GTGT.
- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Giá ghi trên hóa đơn là giá đã có thuế GTGT.

Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua:

Chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho bãi trong quá trình mua, chi phí hao hụt tự nhiên trong định mức của hàng hóa.

\* Đối với vật tư, hàng hóa thuê ngoài gia công chế biến hoặc tự gia công chế biến:

Giá thực tế NK = Giá trị vật tư, hàng hóa xuất chế biến + Chi phí chế biến + Chi phí khác có liên quan

Chi phí khác có liên quan là chi phí vận chuyển, bốc dỡ tới nơi chế biến, từ nơi chế biến về doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải chịu khoản chi phí này.

\* Đối với hàng hóa do Nhà nước cấp, cấp trên cấp:

Giá thực tế = Giá trị bàn giao + Chi phí vận chuyển bốc dỡ (nếu có)

\* Đối với hàng hóa nhận góp cổ phần, liên doanh

Giá thực tế của hàng hóa nhập kho là giá trị vốn góp do hội đồng liên doanh thống nhất đánh giá xác định + Chi phí vận chuyển, bốc dỡ (nếu có)

### **1.2.3. Xác định giá trị hàng xuất kho**

Hàng ngày vật tư, hàng hoá nhập kho được kế toán ghi nhận theo giá thực tế nhưng đơn giá các lần nhập khác nhau là khác nhau và thời điểm nhập là khác nhau. Do đó kế toán có nhiệm vụ xác định giá thực tế vật tư, hàng hoá, thành phẩm mỗi lần xuất kho. Theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá sau để áp dụng cho việc tính giá thực tế xuất kho cho tất cả các loại hàng tồn kho hoặc cho riêng từng loại:

- Phương pháp tính giá thực tế đích danh
- Phương pháp giá bình quân gia quyền
- Phương pháp giá nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp giá nhập sau xuất trước (LIFO)

Mỗi phương pháp tính giá thực tế xuất kho của vật tư, hàng hoá, đều có những ưu nhược điểm nhất định. Mức độ chính xác và độ tin cậy của mỗi phương pháp tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và năng lực nghiệp vụ của các kế toán viên và trang thiết bị xử lý thông tin của doanh nghiệp.

**1.2.3.1. Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh :** Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá nhập thực tế của lô hàng đó.

- Thuận lợi cho kế toán trong việc tính giá hàng hóa.
- Đây là phương pháp cho kết quả chính xác nhất so với các phương pháp khác.
- Chi phí thực tế phù hợp doanh thu thực tế, giá trị hàng tồn kho được đánh giá đúng theo trị thực tế của nó.

Giá trị hàng tồn kho không sát với giá thị trường.

Điều kiện áp dụng: Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, ít chủng loại hàng hóa, có thể phân biệt, chia tách thành nhiều thứ riêng rẽ, có mặt hàng ổn định và nhận diện được, đơn giá hàng tồn kho lớn có giá trị cao.

**1.2.3.2. Phương pháp giá đơn vị bình quân :**

Đây là phương pháp mà giá thực tế hàng hóa xuất kho được tính trên cơ sở đơn giá thực tế bình quân của hàng hóa:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{hàng hóa xuất} & = & \text{Số lượng hàng hóa} \times \text{bình quân của} \\ \text{kho} & & \text{xuất kho} & & \text{hàng hóa} \end{array}$$

+ Bình quân cả kỳ dự trữ :

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá đơn vị} & & \text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{trị giá hàng nhập trong kỳ} \\ \text{bình quân} & = & \text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ} \\ \text{cả kỳ dự trữ} & & \end{array}$$

Cách tính này được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán, dựa trên số liệu đánh giá hàng hóa cả kỳ dự trữ. Các lần xuất hàng hóa khi phát sinh chỉ phản ánh về mặt số lượng mà không phản ánh mặt giá trị. Toàn bộ giá trị xuất được phản ánh vào cuối kỳ khi có đầy đủ số liệu tổng nhập. Điều đó làm cho công việc bị dồn lại, ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán song cách tính này đơn giản, tốn ít công nên được nhiều doanh nghiệp sử dụng đặc biệt là những doanh nghiệp quy mô nhỏ, ít loại hàng hóa, thời gian sử dụng ngắn và số lần nhập, xuất mỗi danh điểm nhiều.

Cách này đơn giản hơn, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và công việc tính toán dồn vào cuối kỳ, như vậy sẽ ảnh hưởng tới các khâu khác trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Bình quân sau mỗi lần nhập: Cứ sau mỗi lần nhập lại tính giá bình quân.

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá đơn vị bình} & & \text{Giá trị tồn lần nhập trước} + \text{Giá trị lần nhập kế tiếp} \\ \text{quân sau mỗi} & = & \text{Số lượng tồn lần nhập trước} + \text{Số lượng lần nhập kế tiếp} \\ \text{lần nhập} & & \end{array}$$

- Theo cách này, giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập sẽ chính xác hơn, kịp thời và không phải dồn đến cuối kỳ mới tính toán, như vậy sẽ không ảnh hưởng tới các khâu khác, tuy nhiên khối lượng tính toán lớn.

**1.2.3.3. Phương pháp nhập trước xuất trước :**

Theo phương pháp này giả thiết rằng số hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lô hàng xuất. Do vậy giá thực tế của hàng hóa mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá hàng hóa xuất trước. Vì vậy giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá trị thực tế của số hàng hóa nhập vào sau cùng trong kỳ.

Với phương pháp này kế toán phải theo dõi được đơn giá thực tế và số lượng của từng lô hàng nhập kho.

Cách xác định này sẽ đơn giản hơn cho kế toán so với phương pháp giá đích danh nhưng vì giá thực tế xuất kho lại được xác định theo đơn giá của lô hàng nhập sớm nhất còn lại nên không phản ánh sự biến động của giá một cách kịp thời. Vì thế nó thích hợp cho áp dụng cho những hàng hóa có liên quan đến thời hạn sử dụng.

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc giá có xu hướng giảm (giảm phát) để xuất đi lượng hàng có giá trị lớn hơn và hàng tồn kho trong kỳ có giá trị nhỏ nhất. Tuy nhiên, khối lượng tính toán nhiều và sẽ không thích ứng trong trường hợp thị trường giá cả động.

**1.2.3.4. Phương pháp nhập sau xuất trước :**

Phương pháp này có cách tính ngược với phương pháp nhập trước xuất trước: Số hàng hóa nào nhập vào sau cùng thì xuất trước tiên áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hay sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thường áp dụng trong thị trường có xu hướng lạm phát giá cả tăng để xuất đi lượng hàng có giá trị lớn hơn và hàng tồn kho trong kỳ có giá trị nhỏ nhất.

#### 1.2.4. Phân bổ chi phí mua hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại

\* Chi phí thu mua hàng hóa bao gồm

- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa, bảo quản hàng hóa từ nơi mua đến kho doanh nghiệp
- Chi phí bảo hiểm hàng hóa
- Các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức ở quá trình thu mua
- Các chi phí khác phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa, công tác chi phí nhân viên thu mua, phí ủy thác nhập khẩu...

Do chi phí thu mua liên quan đến toàn bộ khối lượng hàng hóa trong kỳ và lượng hàng hóa đầu kỳ, nên cần phân bổ chi phí thu mua cho lượng hàng hóa đã bán ra trong kỳ và lượng hàng hóa còn lại cuối kỳ, nhằm xác định đúng đắn giá trị hàng xuất bán, trên cơ sở đó tính toán chính xác kết quả bán hàng. Đồng thời phản ánh được giá trị vốn hàng tồn kho trên báo cáo tài chính được chính xác.

\* Tiêu thức phân bổ chi phí thu mua thường được lựa chọn là:

- Trị giá mua của hàng hóa
- Số lượng
- Trọng lượng
- Doanh số của hàng hóa

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ nào là tùy thuộc điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ.

Việc phân bổ được tiến hành theo công thức sau. Giả sử lấy trị giá mua làm tiêu thức phân bổ:

$$\begin{array}{r}
 \text{- Chi phí thu} \\
 \text{mua liên quan} \\
 \text{đến hàng hóa} \\
 \text{cuối kỳ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua liên quan} \\
 \text{đến hàng hóa} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua liên quan} \\
 \text{đến hàng hóa} \\
 \text{nhập kho trong} \\
 \text{kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thu mua} \\
 \text{liên quan đến} \\
 \text{hàng hóa đã tiêu} \\
 \text{thụ trong kỳ}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{l}
 \text{- Chi phí thu mua} \\
 \text{phân bổ cho} \\
 \text{hàng hóa đã tiêu} \\
 \text{thụ trong kỳ}
 \end{array}
 = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua liên quan} \\ \text{đến hàng hóa} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua pháp sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua hàng hóa hiện còn} \\ \text{cuối kỳ và hàng xuất bán tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Trị giá hàng hóa} \\ \text{đã xác định tiêu} \\ \text{thụ trong kỳ} \end{array}$$

### 1.3. Kế toán chi tiết hàng tồn kho

Hạch toán hàng tồn kho ở các doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết theo từng người quản lý vật chất và từng nhóm mặt hàng và theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Để hạch toán chính xác hàng tồn kho cần kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán ở phòng kế toán và hạch toán nghiệp vụ ở kho hàng, quầy hàng.

Kế toán chi tiết hàng tồn kho nhằm mục đích cung cấp thông tin chi tiết cụ thể về tình hình nhập, xuất tồn hàng hóa trong doanh nghiệp theo từng loại hàng và địa điểm bảo quản. Từ đó giúp nhà quản lý và kế toán các doanh nghiệp thương mại tổ chức tốt kế toán chi tiết hàng tồn kho.

#### 1.3.1. Phương pháp thẻ song song

Nguyên tắc hạch toán đối với phương pháp này là ở kho, thủ kho mở thẻ kho để ghi chép về số lượng hàng hóa tồn kho, tại phòng kế toán sẽ mở sổ chi tiết theo dõi cả về mặt số lượng và giá trị nhằm phản ánh tình hình hiện có và sự biến động của hàng hóa.

- Ở kho: Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập, xuất để ghi vào các thẻ kho theo số lượng, cuối ngày tính số tồn kho trên thẻ kho của từng loại hàng hóa. Hàng ngày hoặc định kỳ thủ kho gửi phiếu nhập, xuất kho cho kế toán.

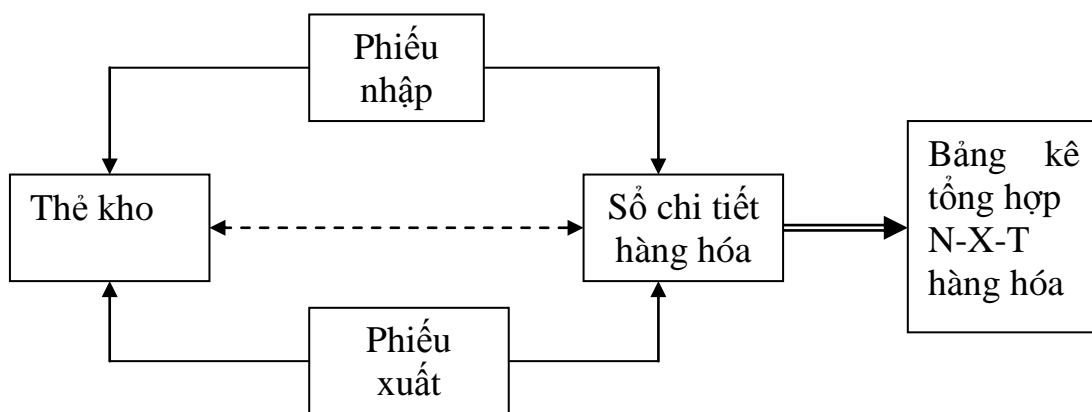
- Ở phòng kế toán: Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào phiếu nhập- xuất hàng hóa do thủ kho chuyển lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra, ghi đơn giá và tính thành tiền rồi ghi vào các sổ chi tiết hàng hóa theo từng mặt hàng về số lượng, giá trị tiền. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết hàng hóa và tiến hành kiểm tra đối chiếu với thẻ kho theo số lượng. Sau đó kế toán tổng hợp số liệu sổ ở các



Sổ chi tiết hàng hóa vào bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng hóa theo từng mặt hàng, nhóm hàng để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp trên TK 156.

- Phương pháp thẻ này có ưu điểm là ghi chép đơn giản dễ kiểm tra đối chiếu. Tuy nhiên, nó có nhược điểm là có sự ghi chép trùng lặp giữa thẻ kho và kế toán kho. Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít chủng loại, mặt hàng, số lượng nghiệp vụ nhập xuất kho ít.

### Sơ đồ 1.1: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song



Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ ==>

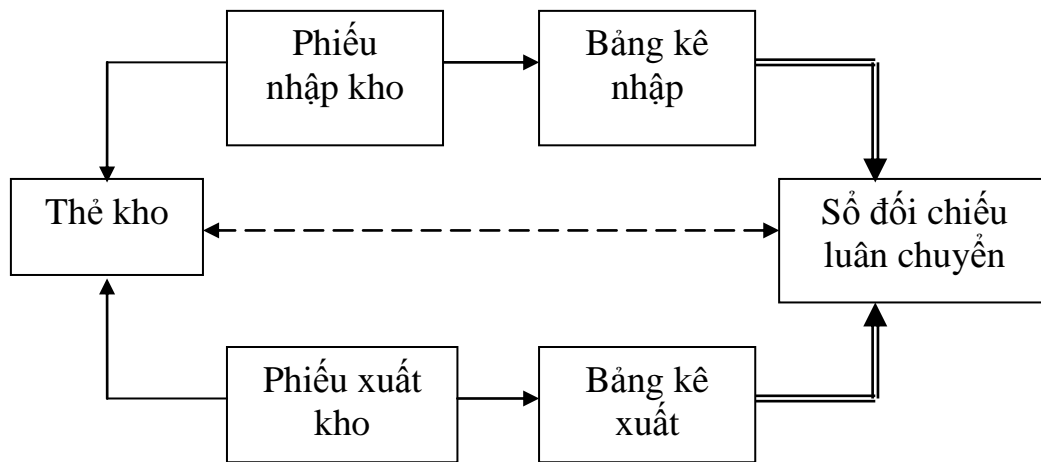
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

### 1.3.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Tại kho: Thủ kho vẫn ghi chép vào thẻ kho để theo dõi lượng nhập, xuất, tồn kho đối với từng loại danh điểm hàng hóa như phương pháp thẻ song song. Tức là, hàng ngày căn cứ vào những chức từ nhập xuất để ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển giao chứng từ cho kế toán để tính trị giá hàng hóa theo giá hạch toán.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng danh điểm vật tư hàng hóa theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng, mỗi thứ chỉ ghi một dòng trên sổ. Cuối tháng đối chiếu số lượng trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và đối chiếu phần giá trị với bảng tính giá vật tư.

### Sơ đồ 1.2: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⇄

#### 1.3.3. Phương pháp sổ số dư

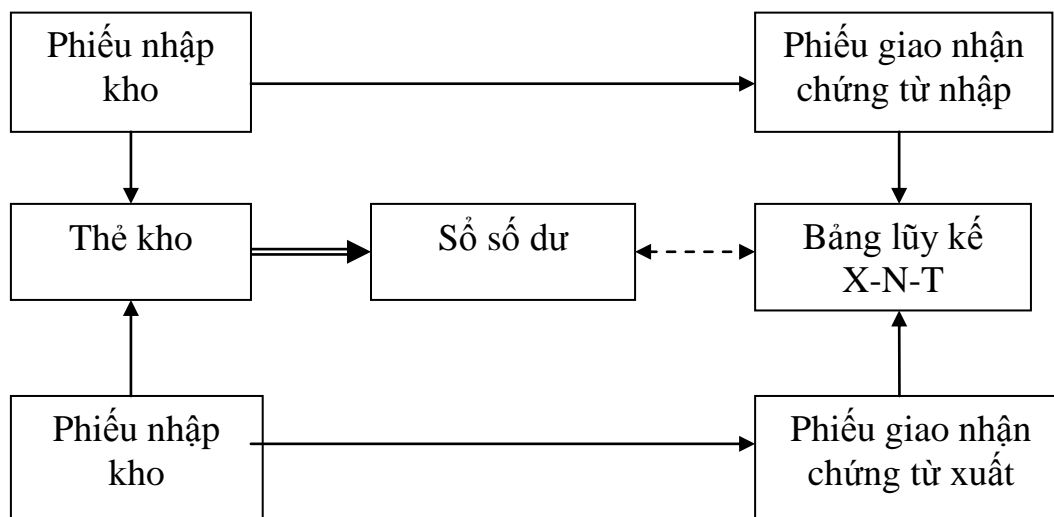
Đặc điểm của phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán.

- Tại kho: thủ kho mở thẻ kho cho từng mặt hàng theo dõi về số lượng dựa vào các phiếu nhập, xuất trong kỳ. Sau đó thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng theo từng danh điểm hàng hóa. Đồng thời nhập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo phiếu nhập xuất. Cuối tháng, thủ kho căn cứ số lượng tồn kho theo từng mặt hàng trên thẻ kho để ghi vào sổ số dư rồi chuyển cho kế toán. Sổ số dư do kế toán mở cho từng kho, dùng cho cả năm, cuối mỗi tháng giao cho thủ kho ghi một lần.

- Ở phòng kế toán: Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu nhập, xuất do thủ kho chuyển đến kế toán ghi vào bảng kê nhập, xuất, tồn của từng kho theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng, căn cứ đơn giá và số lượng để tính ghi vào cột “số tiền” trên sổ số dư. Đối chiếu số liệu ở cột “số tiền” trên sổ số dư với số liệu ở cột “tồn cuối kỳ”

trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn của toàn doanh nghiệp để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp TK 156.

### Sơ đồ 1.3: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ số dư



Ghi hàng ngày	—————>
Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ	══════════>
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	←- - - - ->

Trong điều kiện thực hiện kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là phương pháp có nhiều ưu điểm: hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, bảo đảm số liệu được chính xác và kịp thời.

## 1.4. Kế toán tổng hợp HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên

### 1.4.1. Đặc điểm phương pháp kê khai thường xuyên

Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi ghi chép và phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình tăng giảm hàng hóa sổ sách sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất.

Khi áp dụng phương pháp này kế toán sử dụng các tài khoản hàng tồn kho để phản ánh tình hình và sự biến động của vật tư, hàng hóa. Như vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định được ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán còn kết quả kiểm kê thực tế cuối kỳ là cơ sở để so sánh đối chiếu với số liệu trên sổ

kế toán. Nếu có chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế và số liệu trên sổ sách, kế toán phải tìm nguyên nhân để xử lý kịp thời. Do đó phương pháp này tạo khả năng giám sát hàng hóa trong doanh nghiệp một cách liên tục. Điều này giúp các nhà quản lý lập kế hoạch trong tương lai.

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, tiến hành đồng thời nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh mặt hàng có giá trị cao.

Phương pháp này có ưu điểm là cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, quản lý chặt chẽ đảm bảo an toàn cho tài khoản tồn kho.

Tuy nhiên phương pháp này cũng có nhược điểm khối lượng ghi chép của kế toán nhiều

#### **1.4.2. Chứng từ sử dụng**

Kế toán sử dụng các chứng từ sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng khi đi mua hàng
- Các chứng từ thanh toán tiền mua hàng
- Biên bản kiểm nhận hàng hóa
- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm kê hàng tồn kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng khi bán hàng hóa
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

#### **1.4.3. Tài khoản sử dụng: TK 151, 152, 153, 155, 156, 157**

\* *Tài khoản 151* “Hàng mua đang đi đường”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của các loại hàng hóa, vật tư mua vào đã xác định là hàng mua nhưng chưa về nhập kho hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu TK 151:

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa, vật tư đang đi đường

- Bên Có: Phản ánh giá trị hàng hóa, vật tư đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển bán thẳng cho khách hàng.

- Số dư Nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường.

\* *Tài khoản 152* “ Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của nguyên liệu, vật liệu theo giá gốc.

Kết cấu TK 152:

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị gốc của nguyên vật liệu nhập kho và chi phí thu mua hàng hóa phát sinh trong kỳ.

- Bên Có: Phản ánh giá trị hàng hóa xuất kho và chi phí thu mua hàng hóa phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ.

- Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

\* *Tài khoản 153* “ Công cụ, dụng cụ” Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại công cụ, dụng cụ của doanh nghiệp

-Bên Nợ:

+ Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn;

+ Trị giá công cụ, dụng cụ cho thuê nhập lại kho;

+ Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ thừa phát hiện khi kiểm kê;

+ Kết chuyển trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Bên Có:

+ Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ xuất kho sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê hoặc góp vốn;

+ Chiết khấu thương mại khi mua công cụ, dụng cụ được hưởng;

+ Trị giá công cụ, dụng cụ trả lại cho người bán hoặc được người bán giảm giá;

+ Trị giá công cụ, dụng cụ thiếu phát hiện trong kiểm kê;

+ Kết chuyển trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho.

\* *Tài khoản 155* “Thành phẩm”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

- Bên Nợ:

+ Trị giá của thành phẩm nhập kho;

+ Trị giá của thành phẩm thừa khi kiểm kê;

+ Kết chuyển giá trị thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Bên Có:

+ Trị giá thực tế của thành phẩm xuất kho;

+ Trị giá của thành phẩm thiếu hụt khi kiểm kê;

+ Kết chuyển trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.

\* *Tài khoản 156* “Hàng hóa”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động các loại hàng hóa trong doanh nghiệp.

Kết cấu TK 156:

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa nhập kho và chi phí thu mua hàng hóa phát sinh trong kỳ.

- Bên Có: Phản ánh giá trị hàng hóa xuất kho và chi phí thu mua hàng hóa phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ.

- Số dư Nợ: Phản ánh giá mua và chi phí mua hàng hóa còn tồn kho cuối kỳ.

\* *Tài khoản 157* “Hàng gửi bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của các loại hàng hóa, sản phẩm đã gửi bán hoặc chuyển đến cho khách hàng, giá trị dịch vụ lao vụ đã hoàn thành bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được thanh toán.

Kết cấu TK 157:

- Bên Nợ: Giá trị hàng hóa, thành phẩm đã gửi bán chưa được chấp nhận thanh toán cuối kỳ

- Bên Có: Giá trị thực tế hàng hóa, thành phẩm đã gửi bán được chấp nhận thanh toán cuối kỳ

- Số dư Nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **1.4.4. Kế toán các nghiệp vụ làm tăng, giảm hàng tồn kho**

##### **1.4.4.1. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ làm tăng hàng tồn kho.**

\* Hàng ngày căn cứ vào chứng từ mua hàng và chi phí phát sinh trong khâu mua, kế toán ghi:

- Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 156: Giá trị hàng hóa mua vào theo giá mua chưa thuế

Nợ TK 133(1331): Thuế GTGT được khấu trừ( nếu có).

Có TK 3333, 33312: Thuế nhập khẩu (nếu có), thuế GTGT hàng NK

Có TK 331, 111, 112, 141: Trị giá hàng mua theo giá thanh toán

- Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc sử dụng hàng hóa vào hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

Nợ TK 155, 156: Giá trị hàng mua vào theo tổng giá thanh toán

Có TK 3333, 33312: Thuế nhập khẩu (nếu có), thuế GTGT hàng NK

Có TK 331, 111, 112, 141: Số tiền phải thanh toán cho người bán

- Khi nhập kho hàng từ nghiệp vụ sản xuất gia công, căn cứ vào phiếu nhập kho kế toán ghi:

Nợ TK 155, 156: Thành phẩm, Hàng hóa

Có TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Khi nhập kho hàng thừa phát sinh trong quá trình mua hoặc bảo quản căn cứ vào phiếu nhập kho và biên bản kiểm nhận, kế toán ghi:

Nợ TK 155, 156: Thành phẩm, Hàng hóa

Có TK 338: Các khoản phải trả phải nộp khác

- Khi nhập kho TP, hàng bán bị trả lại, căn cứ phiếu nhập kho kế toán ghi:

Nợ TK 155, 156: Thành phẩm, Hàng hóa

Có TK 157 - Hàng gửi bán: Trường hợp hàng trả lại khi chưa xác định doanh thu

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán: Trường hợp hàng trả lại khi đã xác định doanh thu

- Trường hợp nhận góp vốn liên doanh bằng nguyên vật liệu, hàng hóa:

Nợ TK 152, 156: Nguyên vật liệu, hàng hóa

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

- Khi nhận lại vốn góp liên doanh bằng nguyên vật liệu, hàng hóa :

Nợ TK 152, 156: Nguyên vật liệu, hàng hóa

Có TK 128: Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 222: Góp vốn liên doanh

- Khi được phép đánh giá hàng tồn kho theo quyết định của Nhà nước:

Nợ TK 152, 155, 156: Số chênh lệch khi được phép đánh giá tăng

Có TK 412: Giá trị đánh giá tăng

#### **1.4.4.2. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ làm giảm hàng tồn kho.**

- Khi xuất kho hàng hóa để tiêu thụ hay gửi bán, kế toán ghi :

Nợ TK 632: Tiêu thụ trực tiếp

Nợ TK 157 : Gửi bán

Có TK 155, 156:

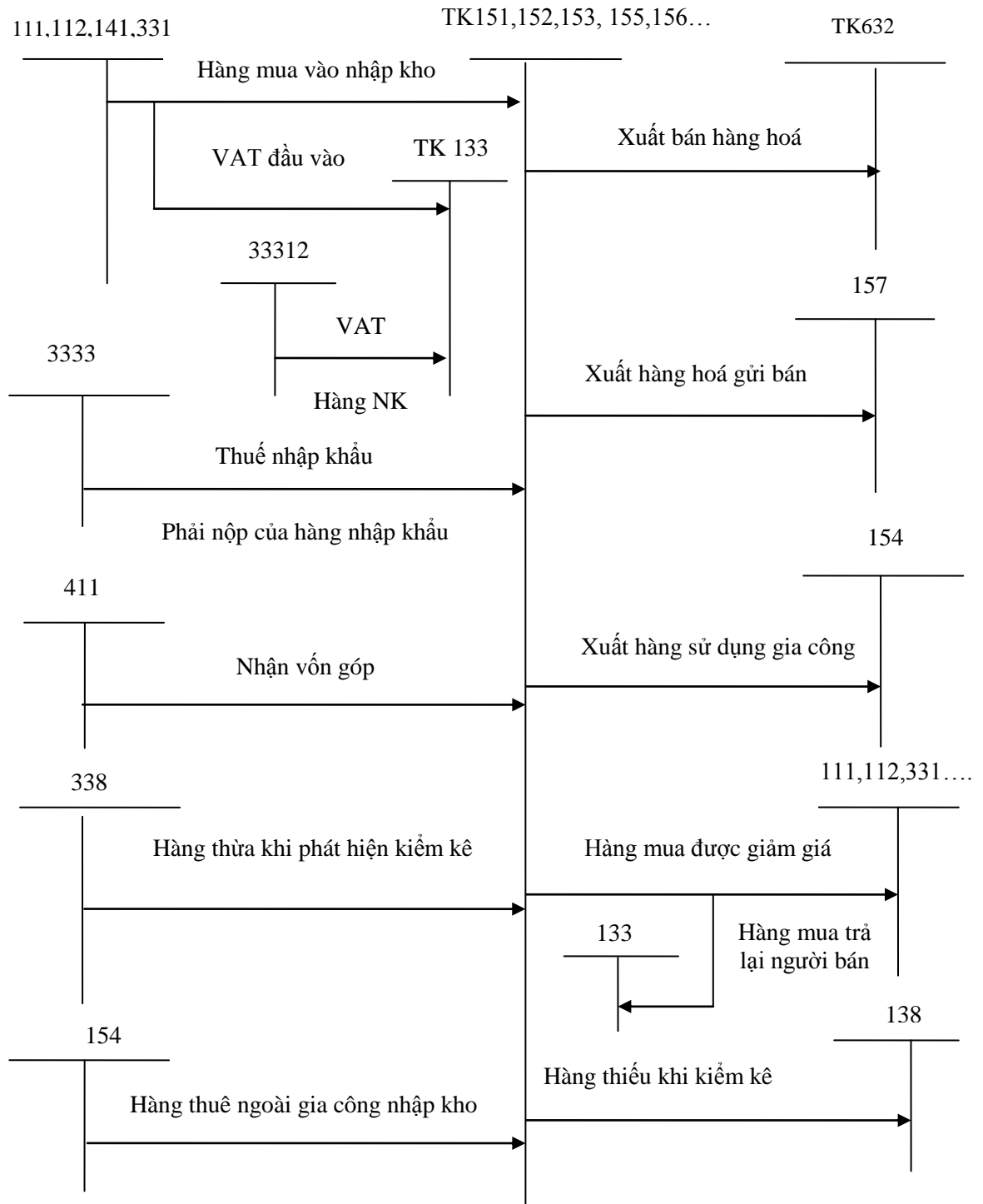
- Khi được phép đánh giá hàng tồn kho theo quyết định của Nhà nước:

Nợ TK 412: Giá trị đánh giá giảm

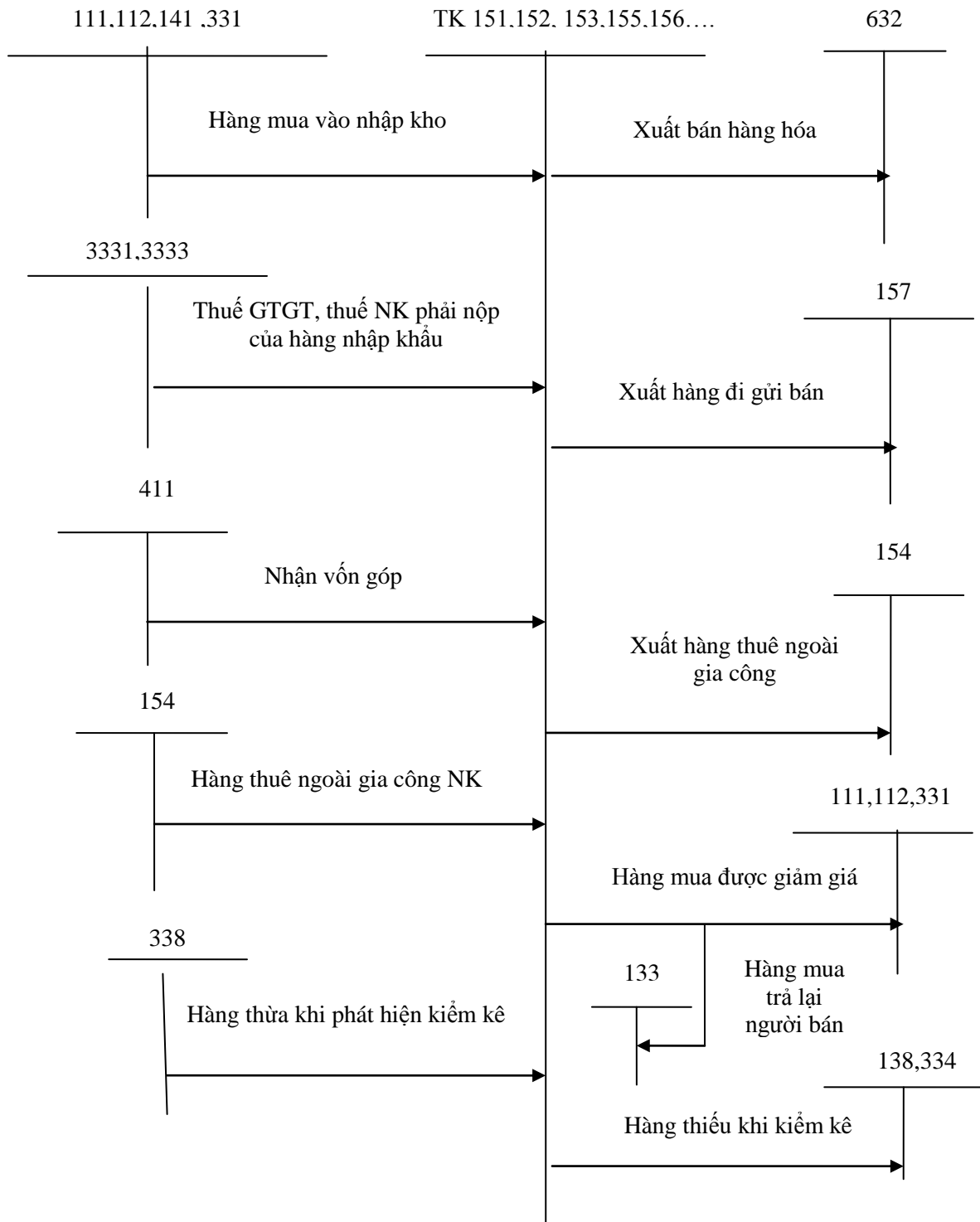
Có TK 152, 153, 155, 156: Số chênh lệch khi được phép đánh giá giảm



**Sơ đồ 1.4. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



Sơ đồ 1.5. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên (nộp VAT theo phương pháp trực tiếp)



**1.5. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.****1.5.1. Đặc điểm phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Theo phương pháp này kế toán không ghi chép, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình biến động của hàng tồn kho. Cuối kỳ căn cứ kết quả kiểm kê hàng hóa, kế toán xác định trị giá hàng tồn kho cuối kỳ và trị giá hàng hóa xuất kho trong kỳ.

Trị giá hàng xuất trong kỳ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng trị giá hàng} & & \text{Chênh lệch trị giá hàng tồn} \\ \text{xuất} & = & \text{nhập} & + & \text{kho đầu và cuối kỳ} \end{array}$$

Sử dụng phương pháp này, số liệu trên sổ kế toán luôn khớp với kết quả kiểm kê, đồng thời công việc kế toán đơn giản. Tuy nhiên kế toán không thể xác định được trị giá hàng tồn kho trên sổ kế toán ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ. Kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc xác định hàng thừa, thiếu ở khâu bảo quản tại kho hàng cũng như ở các quầy hàng. Phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp thương mại kinh doanh nhiều mặt hàng với nhiều chủng loại quy cách khác nhau, kinh doanh các mặt hàng có giá trị nhỏ và các doanh nghiệp không thực hiện nhiều chức năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**1.5.2. Chứng từ sử dụng:** Kế toán sử dụng các chứng từ như kê khai thường xuyên

**1.5.3. Tài khoản sử dụng**

\* Tài khoản 611 “Mua hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư mua trong kỳ

Kết cấu TK 611:

- Bên Nợ: + Trị giá thực tế hàng hóa tồn đầu kỳ  
+ Trị giá thực tế hàng hóa mua vào trong kỳ
- Bên Có: + Trị giá thực tế hàng hóa tồn cuối kỳ  
+ Giảm giá hàng mua và giá trị hàng mua trả lại

+ Kết chuyển giá trị thực tế hàng hóa, vật tư tiêu thụ và xuất dùng

- Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư.

\* Các tài khoản: TK 151, TK 152, TK 153, TK 156, TK 157...khi áp dụng phương pháp này, chỉ sử dụng để phản ánh vào thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ. Nội dung ghi chép của các Tk này như sau:

- Bên Nợ: Phản ánh trị giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ

- Bên Có: Kết chuyển thực tế hàng tồn kho đầu kỳ

#### **1.5.4. Kế toán các nghiệp vụ làm tăng, giảm hàng tồn kho**

##### **1.5.4.1. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ làm tăng hàng tồn kho.**

- Đầu kỳ, kết chuyển trị giá hàng tồn kho

Nợ TK 611(6112): Mua hàng

Có TK 152, 153, 156...: Hàng

- Trong kỳ khi mua hàng hóa dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, căn cứ vào các chứng từ mua hàng:

Nợ TK 611: Giá thực tế hàng mua ( trị giá mua và chi phí thu mua).

Nợ TK 133(1331): Thuế GTGT được khấu trừ( nếu có).

Có TK111,112,141,331...: Tổng giá thanh toán của hàng mua vào

- Đối với thành phẩm hoàn thành trong kỳ

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 631: Giá thành sản phẩm

- Trong kỳ nếu phát sinh các khoản giảm trừ trong khâu mua như: Hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua, chiết khấu thương mại được hưởng:

Nợ TK 111, 112: Nếu trả ngay bằng tiền

Nợ TK 138 (1388): Nếu chưa thu được tiền

Nợ TK 331: Nếu khấu trừ vào nợ phải trả người bán

Có TK 611: mua hàng

Có TK 133: Thuế GTGT được giảm trừ tương ứng (nếu có)

**1.5.4.2. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ làm giảm hàng tồn kho.**

- Trong kỳ nếu phát sinh các khoản giảm trừ trong khâu mua như: Hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua, chiết khấu thương mại được hưởng:

Nợ TK 111, 112: Nếu trả ngay bằng tiền

Nợ TK 138 (1388): Nếu chưa thu được tiền

Nợ TK 331: Nếu khấu trừ vào nợ phải trả người bán

Có TK 611: mua hàng

Có TK 133: Thuế GTGT được giảm trừ tương ứng (nếu có)

- Cuối kỳ, căn cứ kết quả kiểm kê thực tế, xác định hàng tồn kho, trị giá hàng hóa gửi bán chưa xác định tiêu thụ, trị giá hàng hóa đã xác định là tiêu thụ

+ Kết chuyển trị giá hàng tồn kho cuối kỳ :

Nợ TK 151,152, 156,157:

Có TK 611:

Đối với thành phẩm:

Nợ TK 155

Có TK 632:

+ Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ :

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 611: Mua hàng

Đối với thành phẩm:

Nợ TK 911:

Có TK 632:

**1.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho****1.6.1. Quy định trong quản lý và hạch toán dự phòng giảm giá HTK**

\* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp những khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời

cũng phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính của cuối kỳ hạch toán.

\* Cuối kỳ kế toán của năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

\* Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ đi những chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm, hàng hóa và việc tiêu thụ chúng.

\* Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Nó là số dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

\* Việc hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần tuân trọng một số quy định sau:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính. Khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của chế độ tài chính hiện hành;

- Việc dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho từng thứ, từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho nếu có bằng chứng tin cậy về sự giảm giá có thể xảy ra;

- Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào số lượng, giá trị hàng tồn kho xác định khoản dự phòng cần lập cho niên độ tiếp theo.

Theo quy định hiện hành, việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho không được vượt quá số lợi nhuận phát sinh của doanh nghiệp với các điều kiện sau:

+ Chỉ lập dự phòng cho những thứ vật tư, hàng hóa tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá trị ghi sổ kế toán;

+ Vật tư hàng hóa là mặt hàng kinh doanh và thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp;

+ Có chứng từ hợp lệ, hợp lý để chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Doanh nghiệp phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá vật tư, hàng hóa tồn kho;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Doanh phải căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng hàng tồn kho thực tế theo từng loại vật tư, hàng hóa để xác định mức lập dự phòng theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư,} \\ \text{hàng hóa cho năm} \\ \text{kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng vật tư} \\ \text{hàng hóa giảm giá} \\ \text{tại thời điểm cuối} \\ \text{năm báo cáo} \end{array} \times \left( \begin{array}{l} \text{Giá trị ghi} \\ \text{trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện được} \\ \text{của các mặt hàng} \\ \text{tương ứng} \end{array} \right)$$

### 1.6.2. Phương pháp kế toán

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng TK 159 “dự phòng giảm giá hàng tồn kho” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Kết cấu tài khoản 159:

Bên Nợ: Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm nay lớn hơn số đã trích lập cuối niên độ trước.

Bên Có: Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối niên độ kế toán

Số dư bên Có: Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn cuối kỳ.

Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu :

\* Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

\* Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

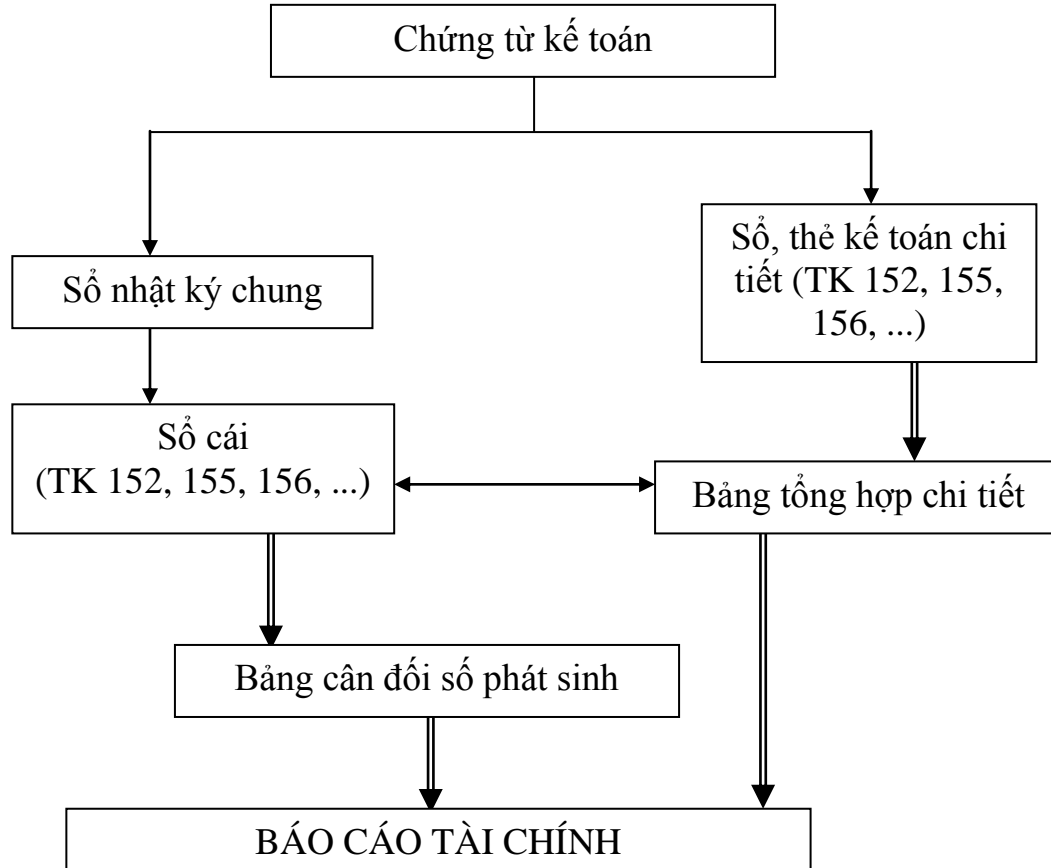
Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Kế toán mở sổ tổng hợp của TK 159 để theo dõi toàn bộ tình hình trích lập và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Ngoài ra, có thể mở theo dõi chi tiết số dự phòng được trích lập cho từng mặt hàng



## 1.7. Đặc điểm kế toán HTK theo các hình thức kế toán (Sơ đồ ghi sổ)

\*Theo hình thức Nhật ký chung:

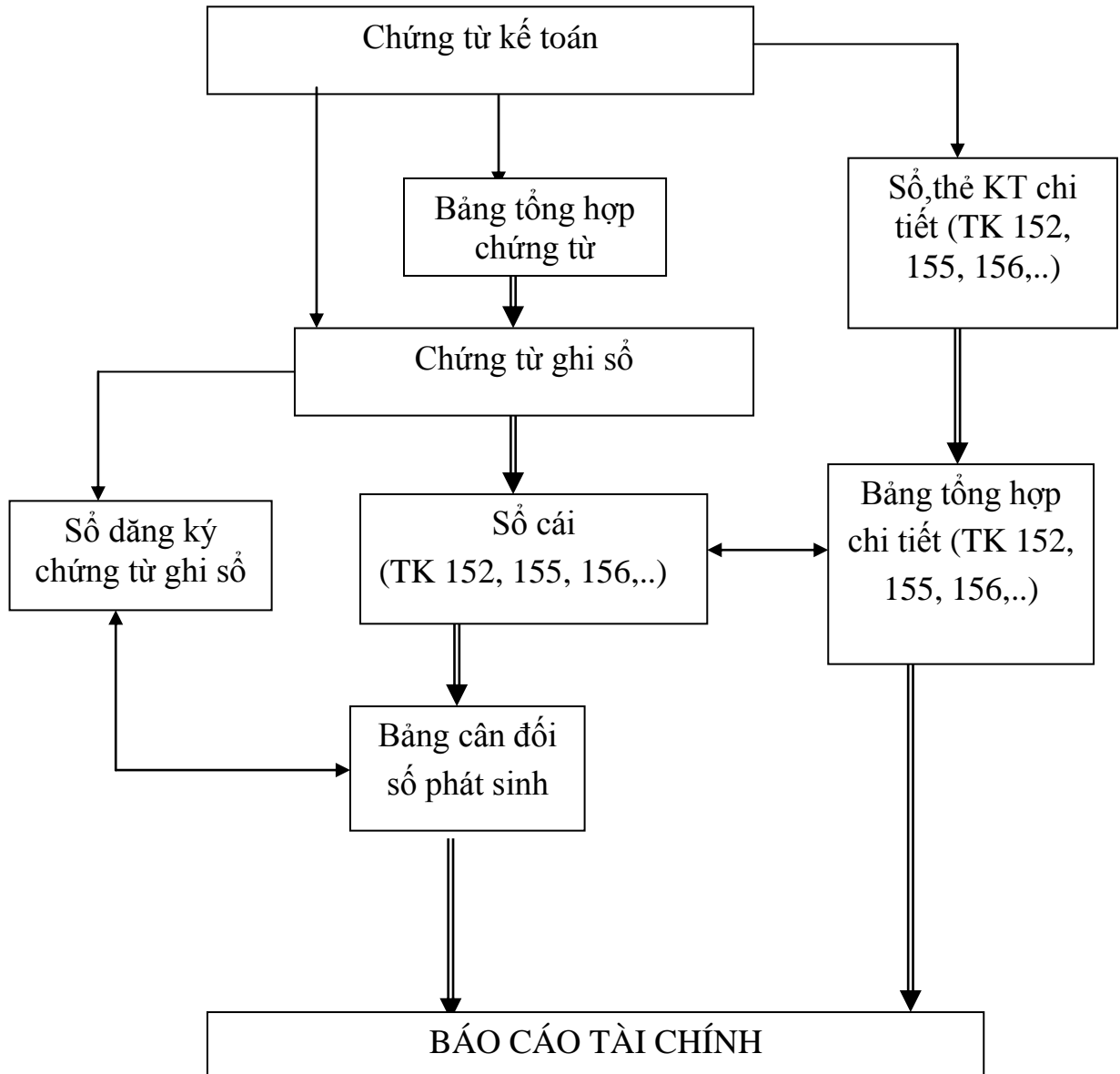
Sơ đồ 1.6. : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung .

Ghi chú :

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←————> : Đối chiếu, kiểm tra

\* Theo hình thức sổ Chứng từ ghi sổ :

**Sơ đồ 1.7.:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

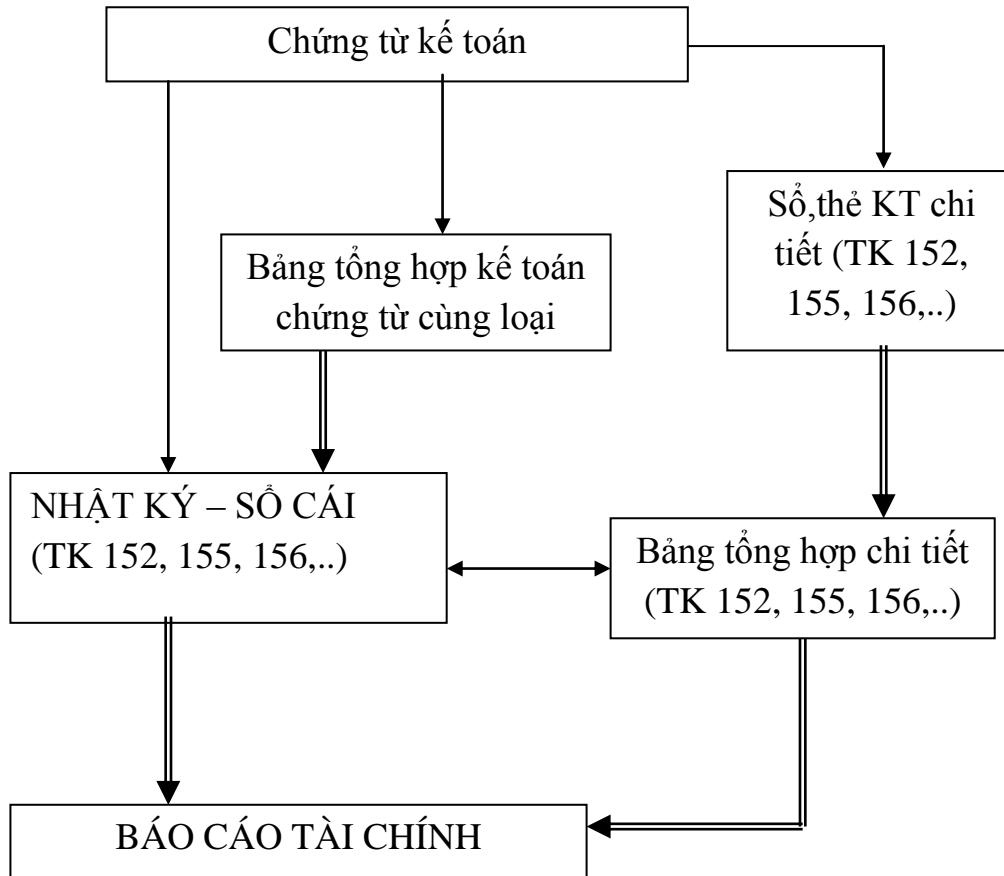


Ghi chú :

- > : Ghi hàng ngày.
- =====> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ====<====> : Đối chiếu, kiểm tra

\* Theo hình thức Nhật ký- sổ cái

**Sơ đồ 1.8.:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ cái

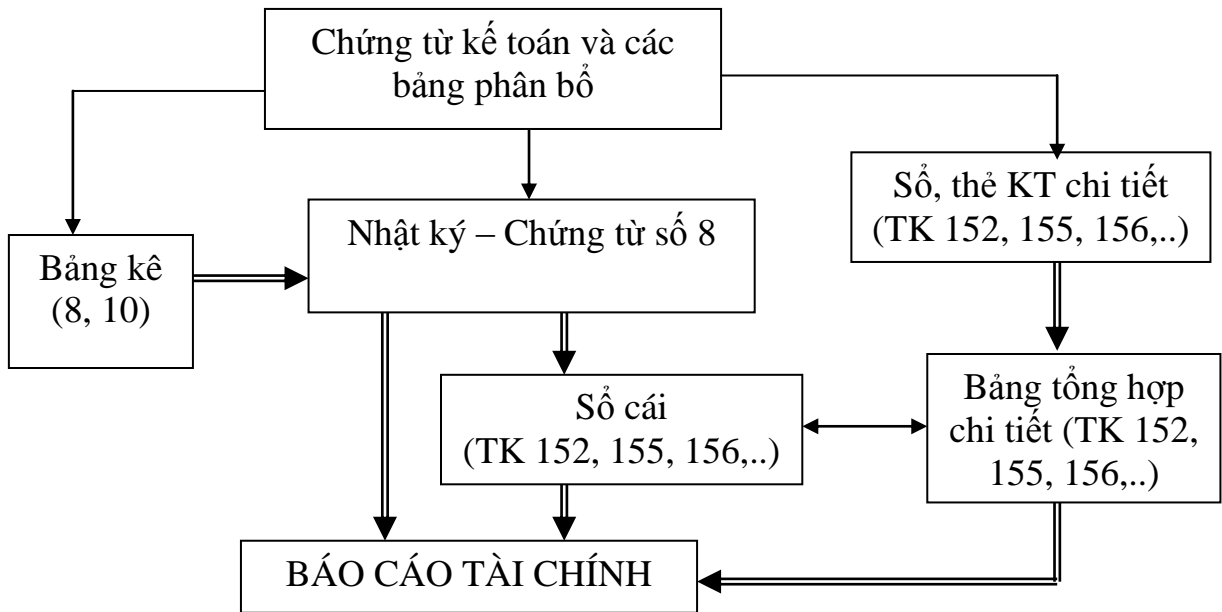


Ghi chú :

- > : Ghi hàng ngày.
- =====> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ====>< : Đối chiếu, kiểm tra

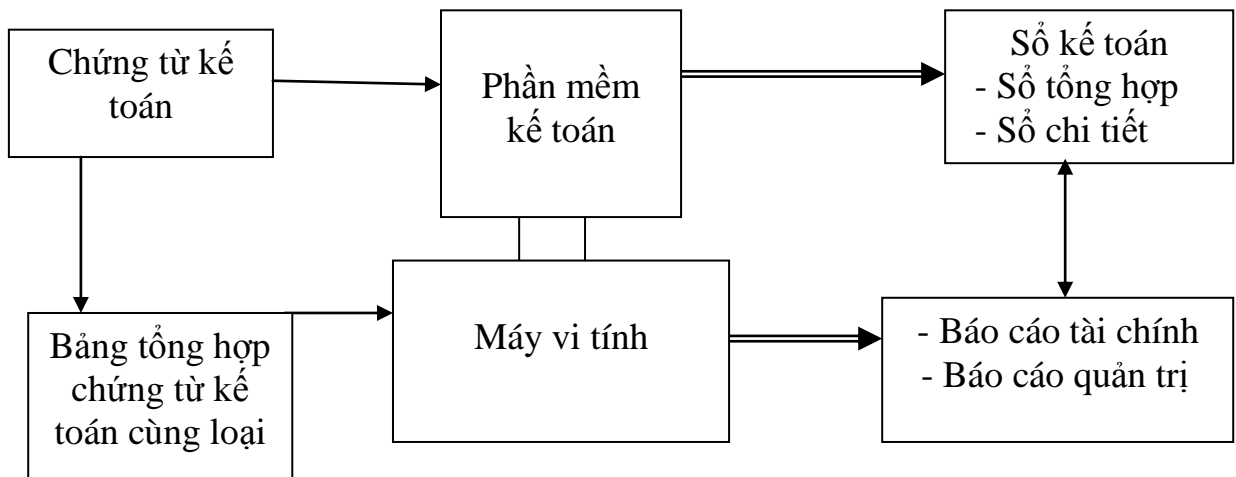
+ Theo hình thức Nhật ký- chứng từ:

Sơ đồ 1.9.: Trình tự ghi sổ kế toán theo Nhật ký- Chứng từ :



+ Theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính :



Ghi chú :

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ====<====> : Đối chiếu, kiểm tra

**CHƯƠNG 2:**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT**

**2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

*\* Một số nét khái quát về công ty*

- Tên công ty: Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát
- Đ/C: 11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200 916 417
- Vốn điều lệ: 1.900.000.000

*\* Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát*

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát đơn vị được thành lập theo quyết định của Bộ Thương Mại. Và được sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số: 0203005283 ngày 8 tháng 5 năm 2009

*\* Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty*

- Hình thức sở hữu vốn: công ty Cổ Phần.
- Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh Thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh:

+ Công ty chuyên kinh doanh thiết bị camera, ghi hình, giám sát tại chỗ, từ xa...Thiết bị báo động, báo cháy, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; Thiết bị bảo vệ chống đột nhập; Chuông cửa có hình, tiếng, khóa điện tử; Hệ thống chấm công an ninh, siêu thị; Trung tâm bộ đàm cầm tay các loại; Công nghệ điện thông minh; Hệ

thống chống sét, hệ thống thang máy....

+ Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và lắp đặt kỹ thuật

\* Những thuận lợi khó khăn và thành tích của công ty.

Là một công ty còn non trẻ trải qua hơn 2 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Trong thời gian qua, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn. Cụ thể như sau:

- *Thuận lợi:*

+ Công ty với mô hình quản lí gọn nhẹ.

+ Toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ Phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát làm việc với nhiệt huyết cao,

+ Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lí và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ. Ban lãnh đạo công ty có kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

+ Công ty không những duy trì tốt quan hệ đó mà còn tăng cường mở rộng hợp tác với bạn hàng khác với mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.

+ Các sản phẩm hàng hóa của công ty rất đa dạng mới mẻ với tính năng công nghệ cao phù hợp với xu thế toán cầu, có thể đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng.

- *Khó khăn:*

+ Là một doanh nghiệp còn khá non trẻ mới xâu nhập thị trường không lâu nên việc tiêu thụ hàng hóa với số lượng chưa lớn chưa chiếm được thị phần lớn trên địa bàn thành phố cũng như trên các tỉnh thành khác

+ Quy mô công ty vẫn còn hạn chế vì mặt bằng đi thuê còn nhỏ nên không thể mở rộng việc bán hàng, trưng bày sản phẩm, cũng như tư vấn cho khách hàng.

+ Kinh tế thị trường đang gặp khó khăn trong sự tụt dốc của kinh tế thế giới nên việc bán hàng và duy trì tốt dịch vụ gặp không ít khó khăn, tìm kiếm thêm nguồn hàng và khách hàng mới cũng không phải dễ, lại cạnh tranh với những công ty mới thành lập.

- *Thành tích:*

Là một công ty mới thành lập chưa được bao lâu tuy còn rất nhiều khó khăn xong công ty đã kinh doanh khá tốt sản phẩm của mình trên thị trường Hải Phòng nói riêng và của khu vực miền Bắc nói chung và ngày càng mở rộng địa bàn hoạt động của mình.

\* Số liệu minh chứng cho sự phát triển của 3 năm gần đây về các chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Tổng doanh thu	211.291.399	925.008.500	1.033.710.092
Tổng doanh thu thuần	211.291.399	925.008.500	1.033.710.092
Tổng giá vốn hàng bán	237.188.525	872.653.215	655.048.140
Tổng lợi nhuận gộp	(25.897.126)	52.355.285	378.661.952
Tổng lợi nhuận trước thuế	(32.946.041)	8.332.128	13.009.078
Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	3.250.000	3.750.000	3.850.000

## **2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

### **2.1.2.1 Đặc điểm về nguồn lực**

\* Về nguồn vốn:

- Nguồn vốn của công ty được hình thành từ vốn góp của các thành viên trong hội đồng thành viên ban quản trị trong công ty

- Công ty thường nhập các sản phẩm của các công ty trong nước để phục vụ cho quá trình kinh doanh của mình. Vốn kinh doanh có khả năng phục vụ tốt nhu cầu kinh doanh của công ty, nên công ty không cần phải vay vốn ngân hàng nhiều

vì vậy Công ty đã bớt được các khoản lãi phải trả cho các ngân hàng. Điều này giúp cho nguồn tài sản lưu động của Công ty được chủ động hơn trong kinh doanh.

\* Nguồn nhân lực của công ty

- Công ty có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ nhân viên có nghiệp vụ chuyên môn giàu kinh nghiệm, năng động, sáng tạo

- Đứng trước sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng của các sản phẩm công nghệ trong nước hiện nay, cùng với việc thực hiện các chính sách khác, Công ty tiến hành chính sách về quản lý lao động theo hướng giảm số lượng lao động. Cơ cấu quản lý bố trí sắp xếp lao động được xem xét điều chỉnh hàng năm, nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động có hiệu quả cao nhất.

\* Cơ sở vật chất

Là công ty nhỏ nên công ty đi thuê TSCĐ bao gồm văn phòng với diện tích mặt bằng 50m<sup>2</sup>, kho bãi tại trụ sở chính là 70m<sup>2</sup>.

Tài sản của công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi các Ngân hàng, vật tư hàng hóa tồn kho, các khoản phải thu của khách hàng

Công ty luôn tìm ra những biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả mang lại lợi nhuận kinh tế cao giảm được các chi phí lãng phí, nâng cao lợi nhuận kỳ sau cao hơn kỳ trước.

### **2.1.3. Đặc điểm hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

Sản phẩm kinh doanh của công ty là: Các thiết bị camera, ghi hình, giám sát tại chỗ, từ xa...thiết bị báo động, báo cháy, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; Thiết bị bảo vệ chống đột nhập; Chuông cửa có hình, tiếng, khóa điện tử; Hệ thống điện thông minh; Hệ thống chống sét, hệ thống thang máy....

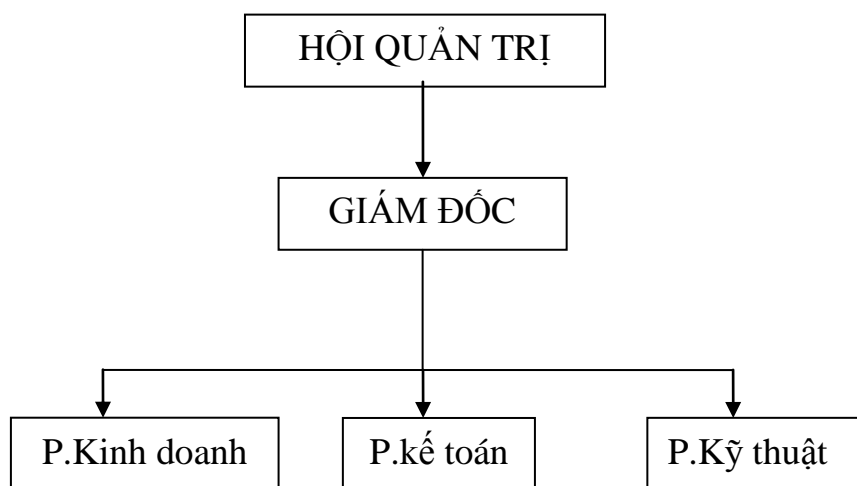


**2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

\* Tổ chức bộ máy quản lý của công ty theo mô hình trực tuyến chức năng: Trong doanh nghiệp người thừa hành nhiệm vụ ở cấp dưới chỉ phụ thuộc cấp trên trực tiếp về toàn bộ công việc phải làm để hoàn thành trách nhiệm, và người phụ trách ở mỗi cấp lại nhận được sự hướng dẫn, kiểm tra về từng lĩnh vực của các bộ phận chức năng tương ứng của cấp trên. Các bộ phận chức năng ở mỗi cấp lại là cơ quan tham mưu của thủ trưởng cấp mình, cung cấp thông tin được xử lý tổng hợp và các kiến nghị giải pháp để thủ trưởng ra quyết định.

- Đó là sự kết hợp các quan hệ điều khiển- phục tùng và quan hệ phối hợp- cộng tác
- Tạo khung hành chính vững chắc cho tổ chức quản lý doanh nghiệp, có hiệu lực và đảm bảo thể chế quản lý
- Phù hợp với môi trường kinh doanh ổn định trong doanh nghiệp vừa và nhỏ như công ty

**Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát**



\* Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận tại công ty

Với tổ chức bộ máy quản lí như trên, mỗi cấp mỗi bộ phận đều có chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn riêng của mình. Các bộ phận này có vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lí công ty.

- Hội đồng quản trị:

+ Bao gồm các thành viên tham gia góp vốn trong công ty, người có cổ phiếu cao nhất sẽ được bầu là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Các cổ đông có quyền tham gia biểu quyết đóng góp ý kiến cho sự phát triển của công ty, nhưng quyết định quan trọng nhất vẫn thuộc về Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là người có vai trò và quyền hạn cao nhất quyết định vận mệnh của công ty

- Ban giám đốc:

+ Quản lí công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước hội đồng quản trị.

+ Đề ra các phương án kinh doanh trình HĐQT.

+ Tổ chức thực hiện các phương án được đề ra.

+ Kiểm tra việc thực hiện các phương án, đưa ra những biện pháp khắc phục khi cần thiết.

+ Thường xuyên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho HĐQT

+ Với tổ chức bộ máy quản lí như trên, mỗi cấp mỗi bộ phận đều có chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn riêng của mình. Các bộ phận này có vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lí công ty

\* Các phòng ban trong công ty

- Phòng kinh doanh:

+ Tìm nguồn hàng và lập kế hoạch ký kết các hợp đồng kinh tế cung cấp hàng hóa và tiêu thụ hàng hóa; có nhiệm vụ chào bán hàng, đôn đốc thu hồi công nợ đúng hạn, lập phương án kinh doanh cụ thể từng lô hàng nhập và thảo các hợp đồng kinh tế mua bán nội địa trình ban giám đốc trước khi nhập hàng và bán hàng.

+ Giao nhận hàng hoá phục vụ khách hàng kịp thời, thường xuyên mở rộng tiếp thị khách hàng trên thị trường trong nước để tạo ra các kênh phân phối hàng hoá của Công ty.

- Phòng kế toán

+ Phòng kế toán có nhiệm vụ lập ghi chép và phân loại sắp xếp các chứng từ kế toán, các hợp đồng kinh tế.

+ Ghi chép và cập nhật sổ sách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời chính xác, lập báo cáo tài chính theo chế độ quản lý tài chính của Bộ tài chính ban hành và theo quy định của Công ty theo định kỳ.

+ Đảm bảo lưu trữ chứng từ của Công ty theo quy định của Bộ tài chính và cơ quan thuế.

+ Lập kế hoạch tài chính hàng tuần, tháng, quý, năm báo cáo ban giám đốc, hội đồng quản trị và cơ quan chức năng.

+ Hướng dẫn các bộ phận lập chứng từ theo đúng quy định của Công ty và theo hệ thống kế toán hiện hành.

+ Kết hợp phòng kinh doanh đối chiếu và thu hồi công nợ đúng hạn.

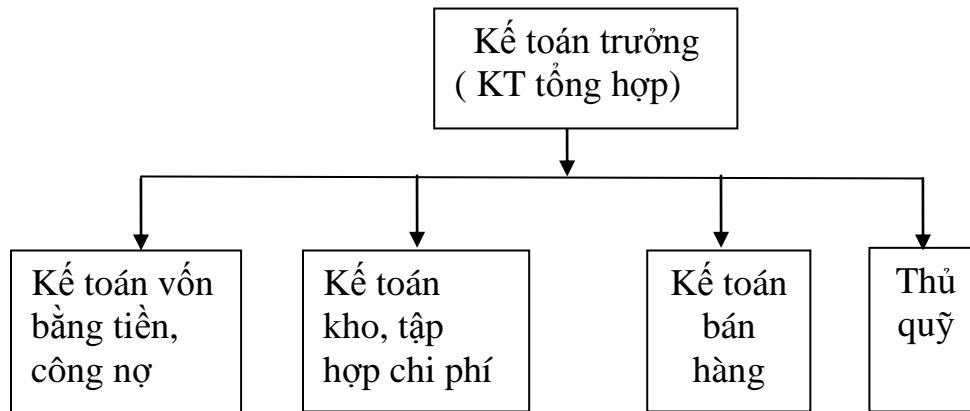
- Phòng kỹ thuật:

+ chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm và lắp đặt theo đơn đặt hàng.

## **2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

### **2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán**

**Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát**



**\* Kế toán trưởng:**

- Là người giúp giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng, nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của nhà nước.

- Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của Công ty.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

\* Kế toán viên: có nhiệm vụ hạch toán các khoản thu chi, nhập xuất toàn công ty tính theo chế độ tài chính kế toán do Nhà nước và cơ quan chức năng quy định. Sử lý các nghiệp vụ kế toán trong quá trình hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, phản ánh tình hình sử dụng hiệu quả các nguồn vốn và tài sản của công ty. Định kỳ cuối tháng, quý, năm phòng kế toán sẽ tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính qua đó trình giám đốc công ty.

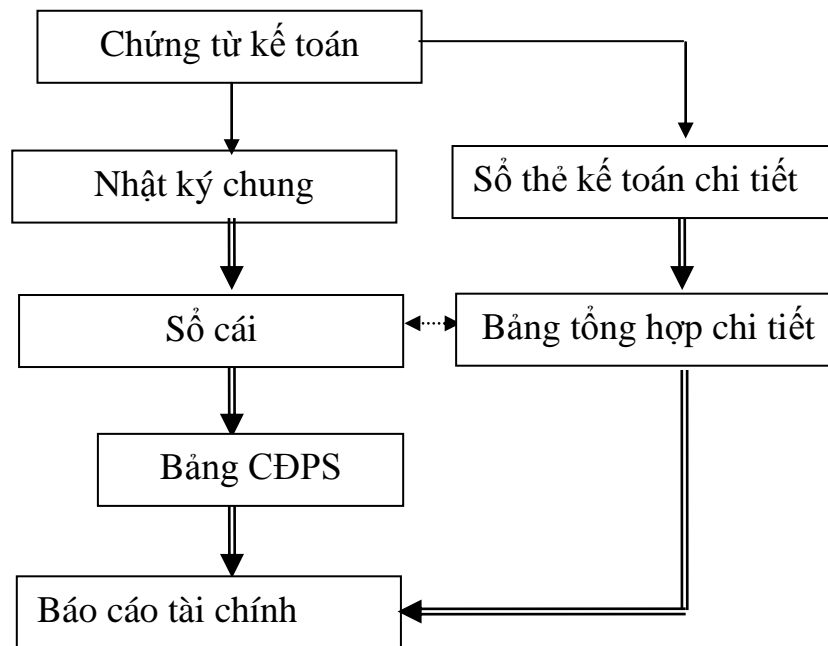
\* Thủ quỹ: Thực hiện kiểm tra thu, chi kịp thời trên cơ sở chứng từ hợp lệ, hợp pháp kiêm nhiệm vụ bảo quản con dấu công ty.

**2.1.5.2. Chính sách kế toán gồm:**

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Kỳ kế toán, kỳ hạch toán:
  - + Công ty áp dụng niên độ kế toán là năm tài chính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm
  - + Kỳ hạch toán là tháng
- Chế độ kế toán áp dụng: Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Hình thức kế toán áp dụng: Để thuận tiện cho việc quản lí, tạo thuận lợi cho việc hạch toán Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán theo hình thức nhật ký chung.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra được làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào các số liệu đã ghi ở nhật ký chung để vào sổ cái theo các tài khoản phù hợp. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, thực hiện bút toán khóa sổ (cộng dồn số liệu trên sổ cái) lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu đúng số liệu trên sổ cái, và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

## Sơ đồ 2.3: Hình thức nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

====→ Ghi cuối tháng

←-----> Kiểm tra, đối chiếu

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:

+ Công ty áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ :

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

+ Sau khi tính được giá đơn vị bình quân:

$$\text{Giá thực tế hàng hóa xuất bán} = \text{Số lượng hàng hóa xuất bán} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

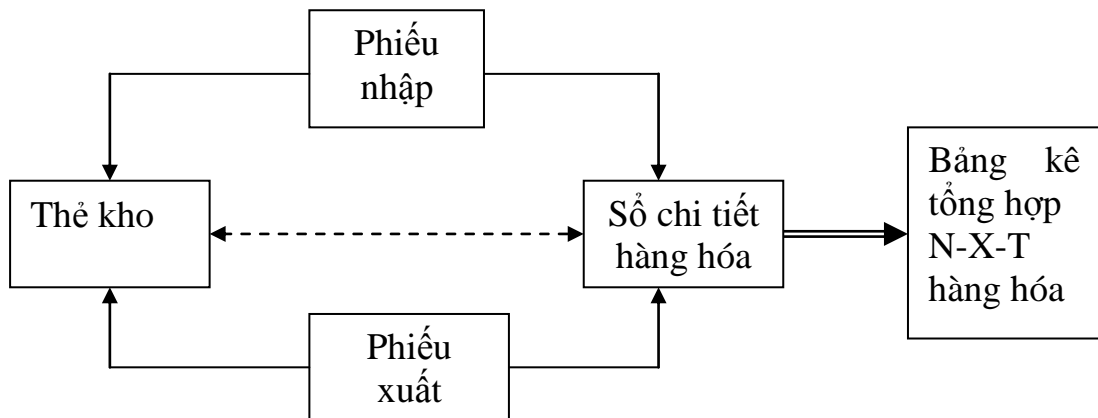
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

## 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

### 2.2.1. Kế toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho

#### Sơ đồ 2.4: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song



Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Để mô tả dòng chảy của số liệu, đề tài tập trung mô tả dữ liệu về hàng hóa tại công ty trong tháng 11:

Dựa vào HD GTGT mua hàng để xác định giá trị hàng nhập kho:

Giá thực tế nhập kho của hàng tồn kho được xác định theo nguyên tắc giá thực tế (nguyên tắc giá phí).

Giá thực tế = Giá mua ghi trên hóa đơn + Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua

Trong đó: \* Giá trị ghi trên hóa đơn:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế GTGT.
- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Giá ghi trên hóa đơn là giá đã có thuế GTGT.

Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua: bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí khác trong quá trình mua

Ngày 10/11: Công ty mua hàng của công ty TNHH MTV TM- DV- SX Lê Phát theo hóa đơn 596

**Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT mua hàng của ngày 10 tháng 11**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT2/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		LP/11p			
Liên 2: Giao cho khách hàng		0000596			
Ngày 10 tháng 11 năm 2011					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH MTV TM- DV- SX Lê Phát					
Địa chỉ : Phường 14- Quận 10 TP HCM					
Số tài khoản.....					
Điện thoại :.....MS: 0304933054					
Tên đơn vị mua hàng : Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát					
Địa chỉ : Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản : .....					
Hình thức thanh toán : CK MS : 0200916417					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108	Cái	03	2.654.333	7.963.000
02	Camera quan sát ESC U408	Cái	05	578.000	2.890.000
03	Camera quan sát ESC U305	Cái	05	615.800	3.094.000
04	Camera quan sát ESC U621	Cái	06	724.833	4.349.000
Cộng tiền hàng:				18.296.000	
Thuế suất GTGT:....10%.....		Tiền thuế GTGT		1.839.600	
Tổng cộng tiền thanh toán:				20.125.600	
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi triệu một trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng/					
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)	



Từ HĐ GTGT mua hàng ngày 10 tháng 11 kế toán lập phiếu nhập kho:

**Biểu 2.2: Phiếu nhập kho ngày 10/11**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT  
TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐOAN PHÁT  
Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê  
Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01- VT  
Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: PN 15/Q2

Ngày 10 tháng 11 năm 2011

Nợ TK 156:

Có TK 112:

Họ và tên ( địa chỉ) người giao hàng : Công ty TNHH MTV TM- DV- SX Lê Phát

Hóa đơn: 0000596

Nhập vào kho : kho 1 của công ty

STT	Tên hàng	Đo n vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Trên HĐ	Thực nhập		
01	<b>Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108</b>	cái	<b>03</b>	<b>03</b>	<b>2.654.333</b>	<b>7.963.000</b>
02	Camera quan sát ESC U408	cái	05	05	578.000	2.890.000
03	Camera quan sát ESC U305	cái	05	05	615.800	3.094.000
04	Camera quan sát ESC U621	cái	06	06	724.833	4.349.000
	.....					
	<b>Cộng</b>	x			x	18.296.000

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn/

Ngày 10 tháng 11 năm 2011

**Người lập phiếu**

(ký,họ tên)

**Người giao hàng**

(ký,họ tên)

**Thủ kho**

(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký,họ tên)

Công ty thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng TM Á Châu, kế toán viết ủy nhiệm chi :

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU  
ACB HẢI PHÒNG**

**ỦY NHIỆM CHI**

Ngày 10/11/2011

**Đơn vị trả tiền:**

**Tên tài khoản:** Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

**Số tài khoản:** 59572269      **Tại ngân hàng Á Châu- chi nhánh:** Hải Phòng

**Đơn vị thụ hưởng:**

**Đơn vị thụ hưởng:** Công ty TNHH MTV TM- DV- SX Lê Phát

**Số tài khoản:** 2201700117576

**CMND/Hộ chiếu:**                      **Ngày cấp:**                      **Nơi cấp:**

**Tại ngân hàng:** Vietcombank- CN Tân Bình      **Tỉnh, TP:** HCM

**Số tiền bằng chữ:** Hai mươi triệu một trăm      **Bằng số:** 20.125.600

hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng chẵn.

**Nội dung:** Chuyển tiền mua hàng

<b>Đơn vị trả tiền:</b>		<b>Ngân hàng Á Châu</b>		<b>Ngân hàng B</b>
<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Chủ tài khoản</b>	<b>Ghi sổ ngày: 10/11/2011</b>		<b>Ghi sổ ngày:</b>
(đk)	(đk)	<b>GDV</b>	<b>KSV</b>	<b>GDV Thủ trưởng ĐV</b>
		<b>(Đk)</b>	<b>(đk)</b>	

<b>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU ACB HẢI PHÒNG</b>	<b>Mã GDV: Mã KH: 10365</b>
--	---------------------------------

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày: 10/11/2011

Kính gửi : CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT  
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 59572269

Số tiền bằng số: 20.125.600

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu một trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng chẵn.

Nội dung: Thanh toán tiền hàng cho : Công ty TNHH MTV TM- DV- SX Lê Phát  
GIAO DỊCH VIÊN KIỂM SOÁT

Từ phiếu nhập ngày 10/11 thủ kho ghi số lượng vào thẻ kho Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108

**Biểu 2.3: Thẻ kho của Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ ĐOẠN PHÁT  
Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân,  
Hải Phòng

Mẫu số: S09- DNN  
Theo quyết định số 48/2006/QĐ-  
BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**THẺ KHO**

Từ ngày 01/11 đến ngày 30/11/2011

Mã hàng : ESC 6108

Tên hàng : Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108

Đơn vị

Quy cách, phẩm chất :

tính : Cái

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
Số	Ngày		Nhập	Xuất	Tồn	
					<b>02</b>	
PN15/Q2	10/11		03			
PX18/Q2	12/11			03		
....			....	....		
		<b>Cộng</b>	<b>05</b>	<b>06</b>	<b>01</b>	

Ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người ghi sổ  
(ĐKý, họ tên)

Giám đốc  
(ĐKý tên, đóng dấu)

Từ phiếu nhập kho 10/11 kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa (**Biểu 2.4**)

Từ sổ chi tiết hàng hóa kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa  
(**Biểu 2.5**)

**Biểu 2.4****SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM ,HÀNG HÓA**

Tháng 11 năm 2011

Tài khoản: Hàng hóa Số hiệu:156

Tên quy cách vật liệu ,công cụ dụng cụ,(sản phẩm .hàng hóa): Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108

Mã số: ESC 6108

Tại kho: Kho1 công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=5*6
		Số tồn đầu kỳ		2.589.500					02	5.179.000
		Số phát sinh								
		.....								
<b>PN15/Q2</b>	<b>10/11</b>	<b>Nhập hàng</b>		<b>2.654.333</b>	<b>03</b>	<b>7.963.000</b>				
		.....								
<b>PX18/Q2</b>	<b>30/11</b>	<b>Xuất hàng</b>					<b>03</b>			
		.....								
		Cộng phát sinh		<b>2.639.763</b>	05	13.229.340	06	15.838.578		
		Số tồn cuối kỳ							<b>01</b>	<b>2.639.763</b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký,họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký,họ tên)Giám đốc  
(Ký,họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT  
Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S09-DNN  
Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**Biểu 2.5****BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Tài khoản: 156  
Tháng 11 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên quy cách hàng hóa	Mã số	Số tiền			
			Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	<b>Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108</b>	<b>ESC 6108</b>	<b>5.179.000</b>	<b>13.229.340</b>	<b>15.838.578</b>	<b>2.639.763</b>
2	<b>Camera KPC 143ZBP</b>	<b>143ZBP</b>	<b>2.359.500</b>	<b>1.580.000</b>	<b>3.939.500</b>	
3	<b>camera KPC 138E1P</b>	<b>138E1P</b>		<b>1.773.000</b>	<b>1.773.000</b>	
...	.....					
Cộng			<b>123.677.500</b>	<b>52.456.860</b>	<b>61.146.397</b>	<b><u>114.987.963</u></b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người lập  
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị  
(Đã ký)

Ngày 17/11: Công ty mua hàng của công ty Cổ phần kỹ thương Minh Phú theo hóa đơn GTGT 53

**Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT ngày 17/11**

STT		Tên hàng hoá, dịch vụ		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5		
01	camera KPC 143ZBP	Bộ	02	790.000	1.580.000		
02	camera KPC 138 ZE1P	Bộ	02	886.500	1.773.000		
Cộng tiền hàng:						3.353.000	
Thuế suất GTGT:.....10%.....				Tiền thuế GTGT		335.300	
Tổng cộng tiền thanh toán:						3.688.300	
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn ba trăm đồng/							
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)			

**HOÁ ĐƠN**

Mẫu số: 01GTKT3/001

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

MP/11P

0000053

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 17 tháng 11 năm 2011

Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần kỹ thương Minh Phú  
Địa chỉ : Thanh Lâm – Mê Linh- HN  
Số tài khoản.....0491000413477.....  
Điện thoại :.....MS: 0105441178

Tên đơn vị mua hàng : Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát  
Địa chỉ : Số 11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng  
Số tài khoản :.....  
Hình thức thanh toán : TM MS : 0200916417

Từ HĐ GTGT mua hàng ngày 17/11 kế toán lập phiếu nhập kho:

**Biểu 2.7: Phiếu nhập kho ngày 17 tháng 11**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT  
 TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐOAN PHÁT  
 Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê  
 Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01  
 Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của BTC

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: PN 23/Q2

Ngày 17 tháng 11 năm 2011

Nợ TK 156:

Có TK 111:

Họ và tên người giao hàng : Công ty Cổ phần kỹ thương Minh Phú

Hóa đơn: 0000596

Nhập vào kho : kho 1 của công ty

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Trên HĐ	Thực nhập		
01	camera KPC 143 ZBP	Bộ	02	02	790.000	1.580.000
02	camera KPC 138 ZE1P	Bộ	02	02	886.500	1.773.000
	.....					
	<b>Cộng</b>	x	04	04	x	3.353.000

Số tiền bằng chữ: Ba triệu ba trăm lăm mươi ba nghìn đồng chẵn/

Ngày 17 tháng 11 năm 2011

**Người lập phiếu**

(ký,họ tên)

**Người giao hàng**

(ký,họ tên)

**Thủ kho**

(ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký,họ tên)



**Để trả tiền mua hàng bằng tiền mặt kế toán viết phiếu chi và chi tiền**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Mẫu số 02- TT

CÔNG NGHỆ ĐOAN PHÁT

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân,

Ngày 14/09/2006 của BTC

Hải Phòng

**PHIẾU CHI**

Ngày 17 tháng 11 năm 2011

**Số: PC 33/Q2**

Nợ TK 156 : 3.353.000

Nợ TK 133: 335.300

Có TK 111: 3.688.300

**Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Văn Tuấn****Địa chỉ** : Công ty Cổ phần kỹ thương Minh Phú**Lý do chi** : Chi trả tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần kỹ thương Minh Phú**Số tiền** : 3.688.300**(Viết bằng chữ)** : Ba triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn ba trăm đồng chẵn.

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận</b>
<b>(Ký, họ tên, đóng dấu)</b>	<b>(Ký, họ tên)</b>	<b>(Ký, họ tên)</b>	<b>(Ký, họ tên)</b>	<b>(Ký, họ tên)</b>

Từ phiếu nhập 23/Q2 ngày 17/11 thủ kho ghi số lượng vào thẻ kho cho camera KPC143ZBP

**Biểu 2.8: Thẻ kho của Camera KPC143ZBP**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ ĐOAN PHÁT  
Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân,  
Hải Phòng

Mẫu số: S09- DNN  
Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**THẺ KHO**

Từ ngày 01/11 đến ngày 30/11/2011

Mã hàng : KPC143ZBP

Tên hàng : CameraKPC143ZBP

Quy cách, phẩm chất :

Đơn vị tính : Bộ

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
Số	Ngày		Nhập	Xuất	Tồn	
					<b>03</b>	
PN23/Q2	17/11		02			
PX21/Q2	18/11			05		
		<b>Cộng</b>	<b>02</b>	<b>05</b>		

Người ghi sổ  
(ĐKý, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2011

Giám đốc  
(ĐKý tên, đóng dấu)

Từ phiếu nhập kho ngày 17/11 kê toán vào sổ chi tiết theo mẫu

**Biểu 2.9: Sổ chi tiết hàng hóa CameraKPC143ZBP**

**SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM ,HÀNG HÓA**

Tháng 11 năm 2011

Tài khoản: Hàng hóa Số hiệu:156

Tên quy cách vật liệu ,công cụ dụng cụ,(sản phẩm .hàng hóa): Camera KPC 143ZBP

Mã số: 143ZBP

Tại kho: Kho 1 công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=5*6
		Số tồn đầu kỳ		786.500					03	2.359.500
		Số phát sinh								
		.....								
<b>PN23/Q2</b>	<b>17/11</b>	<b>Nhập hàng</b>		<b>790.000</b>	<b>02</b>	<b>1.580.000</b>				
		.....								
<b>PX21/Q2</b>	<b>18/11</b>	<b>Xuất hàng</b>					<b>05</b>			
		.....								
		Cộng phát sinh t11		<b>787.900</b>	02	1.580.000	05	3.939.500		
		Số tồn cuối kỳ								

Ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký,họ tên)

Giám đốc  
(Ký,họ tên,đóng dấu)

Từ sổ chi tiết hàng hóa ở **Biểu 2.9** Kế toán vào Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa (**Biểu 2.5**)

Từ phiếu nhập 23/Q2 ngày 17/11 thủ kho ghi số lượng vào thẻ kho cho camera KPC138ZE1P

**Biểu 2.10: Thẻ kho của Camera KPC138ZE1P**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ ĐOAN PHÁT  
Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân,  
Hải Phòng

Mẫu số: S09- DNN  
Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**THẺ KHO**

Từ ngày 01/11 đến ngày 30/11/2011

Mã hàng : KPC138ZE1P

Tên hàng : CameraKPC138ZE1P

Quy cách, phẩm chất :

Đơn vị tính : Bộ

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
Số	Ngày		Nhập	Xuất	Tồn	
PN23/Q2	17/11	Nhập hàng	02			
PX21/Q2	18/11	Xuất hàng		02		
		<b>Cộng</b>	<b>02</b>	<b>02</b>		

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2011

Giám đốc  
(Ký tên, đóng dấu)

Từ phiếu nhập kho ngày 17/11 kê toán vào sổ chi tiết theo mẫu

**Biểu 2.11: Sổ chi tiết hàng hóa CameraKPC138ZE1P**

**SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM ,HÀNG HÓA**

Tháng 11 năm 2011

Tài khoản: Hàng hóa Số hiệu:156

Tên quy cách vật liệu ,công cụ dụng cụ, (sản phẩm .hàng hóa): Camera KPC 138 ZE1P

Mã số: 138 ZE1P

Tại kho: Kho 1 công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=5*6
		Số tồn đầu kỳ								
		Số phát sinh								
		.....								
<b>PN23/Q2</b>	<b>17/11</b>	<b>Nhập hàng</b>		<b>886.500</b>	<b>02</b>	<b>1.773.000</b>				
		.....								
<b>PX21/Q2</b>	<b>18/11</b>	<b>Xuất hàng</b>					<b>02</b>			
		.....								
		Cộng phát sinh		<b>886.500</b>	02	1.773.000	02	1.773.000		
		Số tồn cuối kỳ								

Ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký,họ tên)

Giám đốc  
(Ký,họ tên,đóng dấu)

Từ sổ chi tiết hàng hóa ở **Biểu 2.11** Kê toán vào Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa (**Biểu 2.5**)

Ngày 12/11: Công ty bán hàng cho công ty cổ phần thương mại S.J.C theo HĐ GTGT 40

**Biểu 2.12: Hóa đơn bán hàng ngày 12 tháng 11**

<b>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Lưu nội bộ		AA/11P			
Ngày 12 tháng 11 năm 2011		000040			
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát					
Mã số thuế: 0200916417					
Địa chỉ : Số 11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng					
Điện thoại :031.3533890.....Fax: 031.3522099					
Số tài khoản: 59572269 – Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Duyên Hải					
Tên người mua hàng :					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại S.J.C					
Địa chỉ : Số 7/51 Bạch Đằng – Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : TM      Số tài khoản : .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
01	Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108	Cái	03	2.799.300	8.397.900
Cộng tiền hàng:				8.397.900	
Thuế suất GTGT:.....10%.....		Tiền thuế GTGT :		839.790	
Tổng cộng tiền thanh toán:				9.237.690	
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi đồng.					
Người mua hàng (đk)	Người bán hàng (đk)	Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu )			

**HĐ bán hàng ngày 12 tháng 11 kế toán lập phiếu xuất kho****Biểu 2.13: Phiếu xuất kho ngày 12/11**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT  
Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 02- VT  
Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: PX 18/Q2

Ngày 12 tháng 11 năm 2011

Nợ 632:

Có 156:

- Họ tên người nhận hàng: Công ty cổ phần thương mại S.J.C
- Lý do xuất kho: xuất bán
- Xuất tại kho: Kho 1 Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	B	C	D	1	2	3	4
01	Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108		Cái	03	03		
	.....						
	Cộng	x	x	x	x	x	

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ):.

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 12 tháng 11 năm 2011

Người lập phiếu  
(Đã ký)

Người nhận hàng  
(đã ký)

Thủ kho  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

- Từ phiếu xuất kho ngày 12/11 Thủ kho ghi số lượng vào thẻ kho của Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108 (**Biểu 2.3**)

- Từ phiếu xuất kho ngày 12/11 kế toán lập sổ chi tiết hàng hóa ( **Biểu2.4**)

- Từ sổ chi tiết hàng hóa **Biểu 2.4** kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa theo mẫu (**Biểu 2.5**)

Ngày 18/11: Công ty bán hàng cho công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Việt Hàn theo HĐ GTGT 38

**Biểu 2.14: HĐ GTGT bán hàng ngày 18 tháng 11**

<b>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Lưu nội bộ		AA/11P			
Ngày 18 tháng 11 năm 2011		000038			
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát					
Mã số thuế: 0200916417					
Địa chỉ : Số 11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng					
Điện thoại :031.3533890.....Fax: 031.3522099					
Số tài khoản: 59572269 – Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Duyên Hải					
Tên người mua hàng :					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Việt Hàn					
Địa chỉ : Số 36 Ngách 53/ 548 Nguyễn Văn Cừ- P.Gia Thụy- Long Biên- HN					
Hình thức thanh toán : TM      Số tài khoản : .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
01	camera KPC 143ZBP	Bộ	05	830.000	4.150.000
02	camera KPC 138 ZE1P	Bộ	02	929.500	1.859.000
Cộng tiền hàng:				6.009.000	
Thuế suất GTGT:.....10%.....			Tiền thuế GTGT :		600.900
Tổng cộng tiền thanh toán:				6.609.900	
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm linh chín nghìn chín trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(đk)		(đk)		(đk, đóng dấu )	



**Từ HĐ GTGT bán hàng ngày 18 tháng 11 kế toán dựa vào số lượng lập phiếu xuất kho**

**Biểu 2.15: Phiếu xuất kho ngày 18 tháng 11**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Mẫu số 02- VT

CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Số:11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: PX 21/Q2

Ngày 18 tháng 11 năm 2011

Nợ 632:

Có 156:

- Họ tên người nhận hàng: Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Việt Hàn
- Lý do xuất kho: xuất bán
- Xuất tại kho: Kho 1 Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	B	C		1	2	3	4
01	cameraKPC143ZBP	143ZBP	Bộ	05	05		
02	cameraKPC138ZE1P	138ZE1P	Bộ	02	02		
	.....						
	Cộng	x	x	x	x	x	

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 18 tháng 11 năm 2011

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

- Từ phiếu xuất 21/Q2 ngày 18/11 thủ kho đưa vào số lượng lập thẻ kho cho camera KPC143ZBP (**Biểu 2.8**)

- Từ phiếu xuất 21/Q2 ngày 18/11 kế toán vào sổ chi tiết (**Biểu 2.9**)

Từ sổ chi tiết hàng hóa ở **Biểu 2.9** Kế toán vào Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa (**Biểu 2.5**)

- Từ phiếu xuất 21/Q2 ngày 18/11 thủ kho đưa vào số lượng lập thẻ kho cho camera KPC138ZE1P (**Biểu 2.10**)

Từ phiếu xuất 21/Q2 ngày 18/11 kế toán vào sổ chi tiết ( **Biểu 2.11**)

Từ sổ chi tiết hàng hóa ở biểu 2.11 Kế toán vào Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa (**Biểu 2.5**)

**\* Để tính giá vốn hàng xuất kho tại công ty:**

*Dựa vào công thức tính giá xuất kho kế toán tính giá xuất kho vào cuối tháng 11.*

Ngày 30 tháng 11 tính giá xuất kho tháng 11:

Đầu ghi của camera quan sát ESC 6108

$$= (5.179.000 + 13.229.340) / (2 + 5) = 2.639.763$$

Camera KPC 143ZBP

$$= (2.359.500 + 1.580.000) / (3 + 2) = 787.900$$

Camera KPC 138 ZE1P

$$= (0 + 1.773.000) / (0 + 2) = 886.500$$

**Biểu 2.16: Bảng kê xuất****BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO****ND: Xuất bán hàng hóa****Tháng 11 năm 2011**

Phiếu xuất		Diễn giải	Đầu ghi	Camera	Camera	...	Cộng
SH	NT		ESC U6108 (Cái)	KPC143 ZBP (Bộ)	KPC138 ZE1P (Bộ)		
PX18/Q2	12/11	Xuất bán cho CT Việt Hàn	03				...
PX21/Q2	18/11	Xuất bán cho CT S.J.C		05			
PX21/Q2	18/11	Xuất bán cho CT S.J.C			02		..
		.....					
Cộng lượng			06	05	02		...
Đơn giá xuất			2.639.763	787.900	886.500		
Thành tiền			15.838.578	3.939.500	1.773.000	...	61.164.379

**2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên đó là phương pháp theo dõi ghi chép và phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình tăng giảm hàng hóa sổ sách sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất.

- Từ các chứng từ ở biểu 2.1, 2.2 kế toán ghi vào NKC từ dòng 1610-1612
- Từ chứng từ ở biểu 2.12 kế toán ghi vào NKC từ dòng 1650-1652
- Từ các chứng từ ở biểu 2.6, 2.7 kế toán ghi vào NKC từ dòng 1711-1713

- Từ chứng từ ở biểu 2.14 kế toán ghi vào NKC từ dòng 1714-1716
- Từ chứng từ ở biểu 2.16 kế toán vào sổ nhật ký chung từ dòng 1801-1802

**Biểu 2.17: Sổ nhật ký chung (trích tháng 11)****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang				
10/11	PN15/Q2 HD 596 GBN	Mua hàng của công ty Lê Phát	1610 1611 1612	156 133 112	18.296.000 1.839.600	20.125.600
		.....				
12/11	PT25/Q2 HD40	Bán hàng cho công ty thương mại S.J.C	1650 1651 1652	111 511 3331	9.237.690	8.397.900 839.790
		.....				
17/11	PN23/Q2 HD53 PC33/Q2	Mua hàng của công ty Minh Phú	1711 1712 1713	156 133 111	3.353.000 335.300	3.688.300
18/11	PT41/Q2 HD 38	Bán hàng cho công ty Việt Hàn	1714 1715 1716	111 511 3331	6.609.900	6.009.000 600.900
		.....				
30/11	BKX T11	Giá vốn hàng xuất bán	1801 1802	632 156	61.164.379	61.164.379
		.....				
		Cộng phát sinh			<u>11.780.314.595</u>	<u>11.780.314.595</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Đã ký)Kế toán trưởng  
(Đã ký)Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái tài khoản hàng hoá

**Biểu 2.18: Sổ cái hàng hóa**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ ĐOAN PHÁT  
Số: 11/36/562 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân,  
Hải Phòng

Mẫu số S03A-DNN  
Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Hàng Hóa

Số hiệu: 156

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư kỳ		<b><u>157.411.783</u></b>	
			.....			
10/11	PN15/Q2	10/11	Mua hàng của công ty Lê Phát	112	18.296.000	
			.....			
17/11	PN23/Q2	17/11	Mua hàng của công ty Minh Phú	111	3.353.000	
			.....			
30/11	BKX T11		Giá vốn hàng xuất bán	632		61.164.379
			.....			
			Cộng phát sinh		<b><u>876.594.850</u></b>	<b><u>655.048.140</u></b>
			Số dư cuối kỳ		<b><u>378.958.493</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

Từ sổ cái tài khoản 156 kê toán lập bảng cân đối tài khoản **Biểu 2.19: Bảng cân đối tài khoản**

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Năm 2011

Số hiệu	Tên tài khoản	SỐ DƯ ĐẦU NĂM		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ DƯ CUỐI NĂM	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt tại quỹ	950.998.289		4.288.079.283	4.560.738.520	678.339.052	
112	Tiền gửi Ngân hàng	521.696.667		1.881.177.565	1.799.641.829	603.232.403	
131	Phải thu khách hàng	39.686.669		33.913.660	17.744.335	55.855.994	
133	Thuế GTGT được khấu trừ	325.325.707		111.071.593	113.453.484	322.943.816	
156	<b>Hàng hoá</b>	<b>157.411.783</b>		<b>876.594.850</b>	<b>655.048.140</b>	<b>378.958.493</b>	
331	Phải trả người bán		98.575.435	31.651.905	56.754.970		123.678.500
334	Phải trả người lao động			251.595.000	251.595.000		
411	nguồn vốn kinh doanh		1.896.543.680	1.222.445.000	1.228.543.500		1.902.642.180
421	Lợi nhuận chưa phân phối				13.009.078		13.009.078
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			1.033.710.392	1.033.710.392		
632	Giá vốn hàng bán			<b>655.048.140</b>	<b>655.048.140</b>		
642	Chi phí QLKD			361.316.815	361.316.815		
911	Xác định KQKD			1.033.710.392	1.033.710.392		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.995.119.115</b>	<b>1.995.119.115</b>	<b>11.780.314.595</b>	<b>11.780.314.595</b>	<b>2.039.329.758</b>	<b>2.039.329.758</b>

Hải phòng ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên đóng dấu)

**CHƯƠNG 3:****MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐOÀN PHÁT****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát****3.1.1. Ưu điểm****3.1.1.1 Tổ chức công tác kế toán nói chung**

- Trình độ cán bộ: 100% cán bộ phòng kế toán đã tốt nghiệp đại học và cao đẳng, có kinh nghiệm.

- Sổ sách kế toán: Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung, hình thức này tương đối đơn giản dễ hiểu

- Hệ thống tài khoản :

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

- Chứng từ sử dụng: Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều đúng theo mẫu quy định, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác.

- Quá trình luân chuyển chứng từ đúng trình tự kế toán.

**3.1.1.2. Tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng**

- Quản lý hàng tồn kho đầu kỳ: Được theo dõi chính xác về số lượng và giá trị. Được bộ phận quản lý kho bảo vệ đảm bảo an toàn tài sản của Công ty.

- Tổ chức quản lý hàng hóa mua vào nhập kho

+ Mua trong nước: Quy trình tương đối đơn giản, căn cứ vào hóa đơn GTGT từ bên bán, kế toán viết phiếu nhập kho.

+ Nhập khẩu: Do công ty mới thành lập nên khối lượng hàng nhập khẩu chưa nhiều, hầu như chỉ mua bán hàng hóa trong nước là chủ yếu.

- Tổ chức quản lý hàng bán ra: Công ty luôn cung cấp thiết bị camera, ghi hình, giám sát tại chỗ, từ xa...Thiết bị báo động, báo cháy, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; Thiết bị bảo vệ chống đột nhập; Chuông cửa có hình, tiếng, khóa điện

tử; Hệ thống chăm công an ninh, siêu thị; Trung tâm bộ đàm cầm tay các loại; Công nghệ điện thông minh; Hệ thống chống sét, hệ thống thang máy....cho các công trình dân dụng và một số công trình lớn.

- Hệ thống sổ sách và tài khoản đã dùng

Sổ sách: Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết, các báo cáo đều tuân theo quy định chung.

- Vấn đề kiểm kê hàng hóa cuối kỳ: Hàng tồn kho tại công ty thường xuyên được kiểm tra và kiểm kê chặt chẽ dưới sự giám sát của lãnh đạo và những người trực tiếp liên quan. Kiểm kê hàng là khâu quan trọng nên Công ty luôn chú trọng bảo đảm hàng tồn kho được kiểm kê chính xác, công khai.

- Xử lý sau khi kiểm kê: Sau khi kiểm kê Công ty lập một hội đồng để xử lý hàng thiếu hoặc thừa vì thế đảm bảo xử lý đúng đắn, khách quan.

### **3.1.2. Hạn chế**

#### **3.1.2.1. Tổ chức công tác kế toán nói chung**

\* Phòng kế toán tổ chức chưa được chặt chẽ, công việc của các kế toán viên chưa được phân công rõ ràng, một người phải kiêm nhiều lĩnh vực khác dẫn đến khối lượng công việc khá nhiều. Nên làm giảm hiệu quả công việc, không phát huy được khả năng của từng người.

\* Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng nên tiến độ công việc sẽ bị chậm, dễ nhầm lẫn trong quá trình ghi chép... Khiến công ty bị lạc hậu so với các Công ty khác

#### **3.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng**

\* Quá trình xuất kho: Thu hồi vốn chậm do bán hàng cho khách hàng nhỏ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.

\* Về hàng tồn kho: là hàng công nghệ cao nên sản phẩm luôn phải đổi mới để phù hợp thị trường mà kho chứa hàng của công ty nhỏ chưa có khu bảo quản riêng cho từng chủng loại mặt hàng. Và vì mặt hàng nhiều mà lại chưa được để phân loại cụ thể sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình theo dõi các mặt hàng hóa.



\* Về Hạch toán hàng tồn kho: Công ty không hạch toán chi tiết riêng cho giá trị hàng mua và Chi phí thu mua (1651, 152) nên không biết được giá trị hàng mua trong kỳ và chi phí thu mua một cách cụ thể, chi tiết.

\* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Cuối năm tài chính công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi giá cả thị trường biến động sẽ ảnh hưởng đến giá trị thuần của hàng tồn kho.

### **3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại trên**

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những tồn tại trên trong tổ chức hạch toán kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát, trong đó bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Sau đây là một số nguyên nhân chủ yếu

- Nguyên nhân khách quan: Công ty phải chịu nhiều sự tác động từ các đối thủ cạnh tranh khiến cho việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường gặp ít nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân chủ quan: do điều kiện tài chính hạn chế, Công ty chưa ưu tiên cho đầu tư đổi mới trong quản lý nói chung và hạch toán kế toán nói riêng, ví dụ như việc : mua một phần mềm kế toán ứng dụng có hiệu quả đối với Công ty là khá tốn kém

Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển và ứng dụng ngày càng sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống cũng như trong hạch toán kế toán, do đó doanh nghiệp cũng phải đổi mới theo để công tác kế toán của công ty nhanh chóng và chính xác nếu không sẽ bị lạc hậu.

Và do điều kiện học tập để nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên còn bị hạn chế vì nhiều lý do: Chi tiêu đi học của công ty còn hạn chế, học tự túc thì chi phí khá cao

## **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

- Hoàn thiện giúp cho phòng kế toán của Công ty làm việc hiệu quả hơn phục vụ đắc lực cho các nhà quản lý trong công ty nhằm phát triển công ty, khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi người.

- Hoàn thiện giúp cho công tác kế toán hàng tồn kho nắm bắt chính xác số lượng và giá trị hàng tồn kho để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thị trường và mang lại doanh thu lớn nhất

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.**

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống sổ sách kế toán, chế độ kế toán hàng tồn kho ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính, chuẩn mực hàng tồn kho (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BT ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.3.1. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty**

\* Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho trước hết phải đảm bảo yêu cầu cơ bản của công tác tổ chức kế toán :

- Đảm bảo tính thống nhất giữa đơn vị hạch toán cơ sở với đơn vị quản lý.
- Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống kế toán trong từng đơn vị kế toán.
- Đảm bảo tính quốc tế của công tác kế toán, các văn bản pháp lý tác nghiệp kế toán, trang thiết bị kỹ thuật tính toán phải hướng tới trình độ chuẩn mực quốc tế của kế toán

\* Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt nam, các quy định ban hành của Bộ Tài chính về hệ thống các phương pháp thực hiện hạch toán kế toán, hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán. Tuy nhiên, tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ mới về quản lý tài chính.

### **3.3.2. Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty**

- Hoàn thiện công tác kế toán hướng tới việc thực hiện tốt các yêu cầu quản lý hàng tồn kho. Dự trữ một lượng hàng hóa hợp lý để đảm bảo cho quá trình kinh doanh liên tục tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít. Hệ thống kho đủ tiêu chuẩn kỹ thuật để tránh việc làm giảm chất lượng hàng hóa trong quá trình bảo quản, bảo đảm tính độc lập trong việc bố trí công việc tránh hư hỏng, mất mát hàng hóa.

- Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho hướng đến mục tiêu thực hiện tốt hơn nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho. Tính đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời trong việc ghi chép, tính toán, kiểm tra.

- Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho hướng đến phục vụ việc ra quyết định của các nhà quản lý lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt mục đích này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể có được. Đây là một yêu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

### **3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát**

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối năm tài chính công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo thông tư 34/2011/TT- BTC (sửa đổi thông tư 228/2009/TT- BTC)

\* Theo Điều 2 (TT 43/2011/TT- BTC) Điểm 1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm.

\* Theo Điều 3 (TT 43/2011/TT- BTC). Nguyên tắc chung trong trích lập các khoản dự phòng.

Điểm 1: Các khoản dự phòng nêu tại điểm 1 Điều 2 Thông tư này được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo của doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, nhằm bảo toàn vốn kinh doanh; đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn kho, các khoản đầu tư tài chính không cao hơn giá cả trên thị trường và giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

\* Theo Điều 4 (TT 43/2011/TT- BTC): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Điểm 1: Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Điểm 2: Phương pháp lập dự phòng:

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính} \end{array} \times \left( \begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{array} \right)$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm

theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Riêng dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Điểm 3: Xử lý khoản dự phòng:

Tại thời điểm lập dự phòng nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo các quy định tại điểm 1, điểm 2 Điều này.

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp không phải trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp được trích thêm phần chênh lệch vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ.
- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm giá vốn hàng bán.

Điểm 4: Xử lý huỷ bỏ đối với vật tư, hàng hoá đã trích lập dự phòng:

a) Hàng tồn đọng do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, dịch bệnh, hư hỏng do không còn giá trị sử dụng như: dược phẩm, thực phẩm, vật tư y tế, con giống, vật nuôi, vật tư hàng hoá khác phải huỷ bỏ thì xử lý như sau:

Doanh nghiệp lập Hội đồng xử lý tài sản để thẩm định tài sản bị huỷ bỏ. Biên bản thẩm định phải kê chi tiết tên, số lượng, giá trị hàng hoá phải huỷ bỏ, nguyên nhân phải huỷ bỏ, giá trị thu hồi được do bán thanh lý, giá trị thiệt hại thực tế.

Mức độ tổn thất thực tế của từng loại hàng tồn đọng không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi trên sổ kế toán trừ đi giá trị thu hồi do thanh lý (do người gây ra thiệt hại đền bù, do bán thanh lý hàng hoá).

b) Thẩm quyền xử lý: Hội đồng quản trị căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến hàng hoá tồn đọng để quyết định xử lý huỷ bỏ vật tư, hàng hoá nói trên; quyết định xử lý trách nhiệm của những người liên quan đến số vật tư, hàng hoá đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

c) Xử lý hạch toán:

Giá trị tổn thất thực tế của hàng tồn đọng không thu hồi được đã có quyết định xử lý huỷ bỏ, sau khi bù đắp bằng nguồn dự phòng giảm giá hàng tồn kho, phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào giá vốn hàng bán của doanh nghiệp.

Công ty trích lập dự phòng nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính cuối kỳ.

### ***3.4.2. Kiến nghị 2: Ứng dụng Công nghệ thông tin vào công tác kế toán***

- Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế
- Nhằm: Giúp tăng hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán...
- Có thể liên hệ trực tiếp với các công ty bán phần mềm kế toán để mua phần mềm, cử nhân viên đi học cách sử dụng phần mềm.

### ***3.4.3. Kiến nghị 3: Hoàn thiện về tính giá hàng hóa xuất kho.***

Công ty đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để tính hàng hóa xuất kho. Đây là một phương pháp dễ làm, đơn giản nhưng việc tính giá thực tế của

hàng hóa xuất kho chỉ có thể được tiến hành vào cuối tháng nên không thể phản ánh kịp thời tình hình biến động của giá cả hàng hóa. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn thế giới đang phục hồi, sự biến động giá cả của hàng hóa trên thị trường không ổn định, có thể tăng lên cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây chính là một khó khăn của công ty hiện nay, nên việc áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để tính giá thực tế của hàng hóa xuất kho có thể ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác.

Theo em công ty nên chuyển sang phương pháp tính giá bình quân liên hoàn. Đối với phương pháp này, tuy công việc tính toán nhiều, phức tạp nhưng cho giá xuất kho của hàng hóa chính xác nhất, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả, công việc tính giá được diễn ra thường xuyên, liên tục.

Công thức tính như sau :

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị tồn lần nhập trước} + \text{Giá trị lần nhập kế tiếp}}{\text{Số lượng tồn lần nhập trước} + \text{Số lượng lần nhập kế tiếp}}$$

#### 3.4.4. Ý kiến 4: Sử dụng sổ danh điểm hàng hóa

Công ty nên sử dụng sổ danh điểm hàng hóa để dễ quản lý, theo dõi, kiểm tra hàng tồn kho qua mã hàng.

#### SỔ DANH ĐIỂM HÀNG HÓA

STT	Tên hàng	Mã hàng
1	Đầu ghi Camera ESC U6108	ESC U6108
2	Camera KPC143ZBP	KPC143ZBP
3	Camera KPC 8ZBP	KPC 8ZBP
...	.....	..

**3.4.5. Kiến nghị 5: Về vấn đề hạch toán hàng tồn kho**

Công ty nên hạch toán chi tiết giá trị mua hàng và chi phí thu mua

Giá vốn hàng hoá mua vào thì tập hợp vào tài khoản 1561 có gắn kết với từng mã hàng hoá trong kho. Chi phí mua hàng thì tập hợp vào TK1562 nhưng không gắn kết với mã hàng hoá. Từ đây chi phí nhận hàng sẽ được kết chuyển vào giá vốn hàng bán tương ứng với lượng hàng bán ra. Số dư TK1562 là giá trị chi phí nhận hàng tương ứng với hàng tồn kho

TK 1562 – chi phí thu mua hàng hóa

Kết cấu:

Bên Nợ: Chi phí thu mua hàng hóa thực tế phát sinh liên quan đến khối lượng hàng hóa mua vào, đã nhập kho trong kỳ

Bên Có: Chi phí thu mua hàng hóa tính cho khối lượng hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ

Dư Nợ: Chi phí thu mua còn lại cuối kỳ

\* Chi phí thu mua hàng hóa trong công ty bao gồm

- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa, bảo quản hàng hóa từ nơi mua đến kho doanh nghiệp
- Chi phí bảo hiểm hàng hóa
- Các chi phí khác phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa, công tác chi phí nhân viên thu mua, ...

Do chi phí thu mua liên quan đến toàn bộ khối lượng hàng hóa trong kỳ và lượng hàng hóa đầu kỳ, nên cần phân bổ chi phí thu mua cho lượng hàng hóa đã bán ra trong kỳ và lượng hàng hóa còn lại cuối kỳ, nhằm xác định đúng đắn giá trị hàng xuất bán, trên cơ sở đó tính toán chính xác kết quả bán hàng. Đồng thời phản ánh được giá trị vốn hàng tồn kho trên báo cáo tài chính được chính xác.

\* Tiêu thức phân bổ chi phí thu mua công ty nên lựa chọn là:



- Trị giá mua của hàng hóa
- Số lượng
- Doanh số của hàng hóa

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ nào là tùy thuộc điều kiện cụ thể của doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ.

Việc phân bổ được tiến hành theo công thức sau. Giả sử công ty lấy trị giá mua làm tiêu thức phân bổ:

$$\begin{array}{l}
 \text{- Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa cuối kỳ} \\
 \text{- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa đầu kỳ} \\
 \text{Chi phí thu mua pháp sinh trong kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa nhập kho trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thu mua pháp sinh trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá mua hàng hóa hiện còn cuối kỳ và hàng xuất bán tiêu thụ trong kỳ} \\
 \text{Trị giá hàng hóa đã xác định tiêu thụ trong kỳ}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ} \\
 \text{Trị giá hàng hóa đã xác định tiêu thụ trong kỳ}
 \end{array}$$

### 3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Đoàn Phát.

Công tác kế toán hàng tồn kho là khâu quan trọng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng hàng hóa, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong quá trình kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho ngày càng được chú trọng.

Để hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

**3.5.1. Về phía Nhà nước**

Cung cấp số liệu, thông tin về hàng tồn kho một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách kịp thời, chính xác là hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng:

+ Đối với cơ quan thuế: giúp cho công việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước

+ Đối với ngân hàng: giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi.

**3.5.2. Về phía doanh nghiệp**

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều kiện đặc biệt của doanh nghiệp

- Đảm bảo tiết kiệm các loại chi phí liên quan đến hàng tồn kho và phương pháp kinh doanh phải có hiệu quả thiết thực, khả thi nhằm đem lại lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Nắm vững chức năng nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng. Vì vậy cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện công tác kế hàng tồn kho không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Các thông tin kinh tế phải xác thực, phù hợp với ngành nghề kinh doanh trong doanh nghiệp.

**KẾT LUẬN**

Hàng tồn kho là một trong những yếu tố quan trọng, đặc biệt với những công ty chuyên về thương mại như Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Công nghệ Đoàn Phát. Hàng tồn kho biểu hiện vốn của doanh nghiệp chưa luân chuyển, chuẩn bị cho luân chuyển. Vì vậy kế toán hàng tồn kho có vị trí, tầm quan trọng đặc biệt trong việc mua vào, bán ra đảm bảo có hiệu quả, sinh lời, duy trì sự tồn tại của doanh nghiệp. Đồng thời phát triển mở rộng kinh doanh tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động trong các doanh nghiệp.

Khóa luận “ Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Công nghệ Đoàn Phát” đã được đề cập những vấn đề lý luận cơ bản, những tình hình thực tế và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán Hàng tồn kho tại công ty.

Về lý luận: Đã hệ thống những vấn đề cơ bản về hàng tồn kho trong các doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Phản ánh tình hình kế toán hàng tồn kho của công ty Cổ phần đầu tư phát triển Công nghệ Đoàn Phát thông qua số liệu thực tế năm 2011.

Những biện pháp hoàn thiện: Qua việc tìm hiểu kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Công nghệ Đoàn Phát đối chiếu với lý luận, khóa luận đã đưa ra một số kiến nghị về bộ máy kế toán, vấn đề tồn kho hàng hóa nhằm góp phần hoàn thiện kế toán hàng tồn kho tại Công ty. Tuy nhiên vì chưa có kinh nghiệm, chưa am hiểu kỹ càng về thực tế nên những biện pháp còn nặng về lý thuyết, tính khả thi chưa cao nhưng dù sao đó cũng là những ý kiến để Công ty tham khảo.

Vì thời gian thực tập có hạn, kiến thức của bản thân còn hạn chế và vấn đề mà em nghiên cứu còn mới nên em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự nhiệt tình giúp đỡ của Ban lãnh đạo Công ty, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty cũng như sự tận tình hướng dẫn của thầy Nguyễn Đức Kiên đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Sinh viên

**Đỗ Thị Hiền**

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ Tài chính  
(Nhà xuất bản giao thông vận tải. Ngày sản xuất: tháng 09 năm 2010)  
Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán  
Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán
2. Sách KẾ TOÁN DỊCH VỤ của TS. Nguyễn Phú Giang  
Nhà xuất bản tài chính Hà Nội năm 2008
3. Khoá luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.